TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
KHOA HỆ THỐNG THÔNG TIN KINH TẾ

---------- o0o----------

BÁO CÁO TIẾN ĐỘ
KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đề tài:

XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH KẾ TOÁN TIỀN LƯƠNG CHO CÔNG TY TUYỂN THAN HÒN GAI – VINACOMIN, QUẢNG NINH

Giáo viên hướng dẫn 1 : ThS.Nguyễn Thị Thanh Thủy

Giáo viên hướng dẫn 2 : Nguyễn Đức Năm

Sinh viên thực hiện : Nguyễn Thị Lan Phương

Lớp : THKT-K8D

Thái Nguyên, tháng 04 – 2013

LỜI CẢM ƠN

Trước hết em xin gửi lời cảm ơn chân thành và sâu sắc tới các thầy cô giáo trong trường Đại học Công nghệ thông tin và truyền thông nói chung và các thầy cô trong khoa Hệ thống thông tin kinh tế đã tận tình giảng dạy, truyền đạt cho em những kiến thức và kinh nghiệm quý báu trong suốt thời gian qua.

Đặc biệt em xin gửi lời cảm ơn đến cô Nguyễn Thị Thanh Thủy và thầy Nguyễn Đức Năm đã tận tình giúp đỡ, trực tiếp chỉ bảo và hướng dẫn em trong suốt quá trình làm khóa luận tốt nghiệp.

Sau cùng xin gửi lời cảm ơn chân thành tới gia đình, bạn bè đã động viên,đóng góp ý kiến và giúp đỡ trong quá trình học tập,nghiên cứu và hoàn thành khóa luận tốt nghiệp này.

Thái nguyên,ngày 22 tháng 04 năm 2013

LỜI CAM ĐOAN

Em xin cam đoan bản khóa luân tốt nghiệp này là công trình nghiên cứu thực sự của cá nhân,được thực hiện dựa trên cơ sở nghiên cứu lý thuyết, kiến thức chuyên nghành, nghiên cứu khảo sát tình hình thực tiễn dưới sự hướng dẫn khoa học của cô Nguyễn Thị Thanh Thủy và thầy Nguyễn Đức Năm.

Các số liệu, bảng biểu và những kết quả trong khóa luận là trung thực, các nhận xét, phương hướng đưa ra xuất phát từ thực tiễn và kinh nghiệm hiện có.

Một lần nữa em xin khẳng định về sự trung thực của lời cam đoan trên.

Thái nguyên, ngày 22 tháng 04 năm 2013

Tác giả

Nguyễn Thị Lan Phương

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU 1
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ ĐỀ TÀI 3
1.1 Giới thiệu về ngôn ngữ lập trình C# 3
1.1.1 Ngôn ngữ lập trình C# 3
1.1.2 Nền tảng ngôn ngữ C# 4
1.2 Giới thiệu về ngôn ngữ SQL 2005 7
1.2.1 SQL là ngôn ngữ của cơ sở dữ liệu quan hệ 7
1.2.2 Vai trò của SQL 8
1.3. Lý thuyết về kế toán tiền lương 8
1.3.1. Khái niệm và bản chất của tiền lương 8
1.3.2. Phân loại tiền lương 8
1.3.3. Chức năng và ý nghĩa của tiền lương 9
1.3.4. Các khoản trích theo lương 10
1.3.5. Phương pháp tính lương 11
1.3.6. Các hình thức trả lương 11
1.3.7. Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương 14
1.3.8. Hình thức tổ chức sổ kế toán 18
Chương 2. KHẢO SÁT THỰC TẾ, PHÂN TÍCH VÀ THIẾT KẾ HỆ THỐNG 21
2.1. Giới thiệu chung về công ty Tuyển than Hòn Gai - Vinacomin 21
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty 21
2.1.2. Đặc điểm chung 21
2.2. Công tác kế toán tiền lương tại công ty 22
2.2.1. Hình thức kế toán công ty đang áp dụng. 22
2.2.2. Hạch toán kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty tuyển than Hòn Gai. 23
2.3. Phân tích thiết kế hệ thống 35
2.3.1. Phân tích thiết kế về chức năng 35

2.3.2. Phân tích thiết kế về cơ sở dữ liệu 43
Chương 3. CHƯƠNG TRÌNH THỰC NGHIỆM 47
3.1. Form đăng nhập 47
3.2. Form main 47
3.3. Form quản lý chức vụ 48
3.4. Form quản lý đơn vị bộ phận 48
3.5. Form quản lý tài khoản sử dụng 49
3.6. Form quản lý nhân viên 49
3.8. Form quản lý thông số 50
3.9. Form chấm công 50
3.10. Form thanh toán lương 50
3.11. Form báo cáo thanh toán lương 51
3.12. Form báo cáo tổng hợp lương công ty 52
3.13. Form bảng phân bổ tiền lương và BHXH 53
KẾT LUẬN 54
TÀI LIỆU THAM KHẢO 55

LỜI NÓI ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Ngày nay tin học đã và đang được ứng dụng rộng rãi trong mọi lĩnh vực của cuộc sống, khoa học máy tính đang phát triển với tốc độ nhanh chóng và được ứng dụng vào mọi lĩnh vực như: khoa học - công nghệ, kinh tế - xã hội, quản lý Nhà nước, quản lý doanh nghiệp.

Đối với các đơn vị, tổ chức công tác kế toán tiền lương là một vấn đề quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Tiền lương được sử dụng như một phương tiện quan trọng, một đòn bẩy kích thích người lao động hăng hái sản xuất kinh doanh. Việc quản lý, hạch toán quỹ tiền lương và phân phối tiền lương tốt, công bằng, đầy đủ, kịp thời, hợp lý sẽ đảm bảo năng suất, đẩy nhanh tiến độ công việc, đảm bảo đồng thời 3 lợi ích Nhà nước - Doanh nghiệp – Người lao động. Tuy nhiên nhìn nhận chung là hầu hết các đơn vị hiện nay đều làm công tác kế toán một cách thủ công, do vậy tốn nhiều thời gian và công sức. Với những yêu cầu và tính chất của công tác kế toán tiền lương, việc đưa tin học vào kế toán là yêu cầu mang tính chất cấp thiết, vấn đề sẽ giải quyết được nhiều khó khăn khi làm thủ công bằng tay. Vì vậy đề tài nhằm xây dựng một chương trình kế toán tiền lương cho công ty dựa trên ngôn ngữ lập trình SQL server 2005 và C# để góp phần giải quyết công việc một cách nhanh chóng và chính xác, tiết kiệm chi phí và công sức.

Sau một thời gian thực tập tại Công ty Tuyển than Hòn gai - Vinacomin, kết hợp với những kiến thức lí thuyết đã được học và những lý do trên, cùng với sự đồng ý của các thầy cô giáo trong Khoa Hệ thống thông tin Kinh tế em lựa chọn đề tài "***Xây dựng chương trình kế toán tiền lương cho Công ty Tuyển than Hòn Gai – Vinacomin, Quảng Ninh***" làm đề tài khóa luận tốt nghiệp.

2. Mục đích nghiên cứu

Đề tài nghiên cứu nhằm mục đích chủ yếu là hoàn thiện thêm mặt lý luận, việc quản lý, hạch toán quỹ tiền lương và phân phối tiền lương tốt, công bằng, đầy đủ, kịp thời, hợp lý, tổ chức công tác kế toán tiền lương đảm bảo sử dụng hiệu quả, nâng cao nguồn lực cho đơn vị. Giúp cho công tác hạch toán kế toán tiền lương trong đơn vị được tiến hành dễ dàng hơn mà giảm được tối đa chi phí bỏ ra. Đồng thời, giúp bản thân nâng cao được kiến thức về kế toán tiền lương.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

Đề tài tập trung nghiên cứu lý luận chung về kế toán tiền lương và thực tiễn về tổ chức công tác hạch toán kế toán tiền lương tại công ty Tuyển than Hòn Gai -

Vinacomin, đảm bảo phản ánh đúng, chính xác tình hình phân bổ, thu, chi tiền lương và các khoản trích theo lương. Từ đó, làm căn cứ để lập báo cáo tổng hợp cuối kỳ.

4. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài nghiên cứu

Đề tài đi sâu vào nghiên cứu kế toán tiền lương giúp nâng cao trình độ và hiểu biết về kế toán tiền lương, từ đó làm cơ sở áp dụng vào thực tiễn.

Chương trình xây dựng có thể trợ giúp công ty Tuyển than Hòn Gai quản lý thu chi và phân bổ tiền lương một cách có hiệu quả hơn.

5. Bố cục của đề tài

Đề tài bao gồm 3 chương:

Chương 1. Tổng quan về đề tài

Chương 2. Khảo sát thực tế, phân tích và thiết kế hệ thống

Chương 3. Chương trình thực nghiệm

Do kiến thức chuyên môn còn hạn chế, cùng với thời gian tìm hiểu thực tế tại Công ty Tuyển than Hòn gai - TKV chưa được lâu, nên bản báo cáo này chắc chắn còn nhiều thiếu sót, rất mong nhận được những ý kiến đóng góp và sự chỉ dạy của các thầy cô để bài báo cáo của em được hoàn thiện hơn.

Xin chân thành cảm ơn cô Nguyễn Thị Thanh Thủy và thầy Nguyễn Đức Năm cùng các thầy cô giáo trong Khoa Hệ thống thông tin kinh tế - Trường Đại học Công nghệ thông tin và truyền thông, cảm ơn ban lãnh đạo Công ty và toàn thể cán bộ Phòng Kế toán Thống kê Tài chính - Công ty Tuyển than Hòn Gai - Vinacomin đã giúp đỡ em hoàn thành tốt báo cáo tốt nghiệp này.

Em xin chân thành cảm ơn!

Chương 1.
TỔNG QUAN VỀ ĐỀ TÀI

1.1 Giới thiệu về ngôn ngữ lập trình C#

1.1.1 Ngôn ngữ lập trình C#

C# là một ngôn ngữ lập trình hướng đối tượng được phát triển bởi Microsoft, là phần khởi đầu cho kế hoạch .NET của họ. C# được thiết kế chủ yếu bởi Anders Hejlsberg kiến trúc sư phầm mềm nổi tiếng với các sản phẩm: Turbo Pascal, Delphi, J++, WFC.

C# là một ngôn ngữ rất đơn giản, với khoảng 80 từ khoá và hơn mười kiểu dữ liệu dựng sẵn, nhưng C# có tính diễn đạt cao. C# hỗ trợ lập trình có cấu trúc, hướng đối tượng, hướng thành phần (component oriented).

Trọng tâm của ngôn ngữ hướng đối tượng là lớp. Lớp định nghĩa kiểu dữ liệu mới, cho phép mở rộng ngôn ngữ theo hướng cần giải quyết. C# có những từ khoá dành cho việc khai báo lớp, phương thức, thuộc tính (property) mới. C# hỗ trợ đầy đủ khái niệm trụ cột trong lập trình hướng đối tượng: đóng gói, thừa kế, đa hình.

Định nghĩa lớp trong C# không đòi hỏi tách rời tập tin tiêu đề với tập tin cài đặt như C++. Hơn thế, C# hỗ trợ kiểu dữ liệu mới, cho phép dữ liệu trực tiếp trong tập tin mã nguồn. Đến khi biên dịch sẽ tạo tập tin dữ liệu theo định dạng XML.

C# hỗ trợ khái niệm giao diện, interfaces (tương tự Java). Một lớp chỉ có thể kế thừa duy nhất một lớp cha nhưng có thế cài đặt nhiều giao diện.

C# có kiểu cấu trúc, struct (không giống C++). Cấu trúc là kiểu hạng nhẹ và bị giới hạn.Cấu trúc không thể thừa kế lớp hay được kế thừa nhưng có thể cài đặt giao diện.

- **Các tính năng cơ bản của ngôn ngữ lập trình C#:**
  - C# là một ngôn ngữ lập trình hướng đối tượng thuần túy.
  - Kiểm tra an toàn kiểu.
  - Thu gom rác tự động: giảm bớt gánh nặng cho người lập trình viên trong việc phải viết các đoạn code thực hiện cấp phát và giải phóng bộ nhớ.
  - Hỗ trợ các chuẩn hóa được tạo ra bởi tổ chức ECMA.
  - Hỗ trợ các phương thức và các kiểu phổ quát (chung).
- **Các ứng dụng của C#:**

  C# có thể sử dụng để viết các kiểu ứng dụng khác nhau:

➢ Các ứng dụng game

➢ Các ứng dụng cho doanh nghiệp

➢ Các ứng dụng cho thiết bị di động: PC Pocket, PDA, Cell phone.

➢ Các ứng dụng quản lý đơn giản: Ứng dụng quản lí thư viện, quản lý thông tin cá nhân…

➢ Các ứng dụng phân tán phức tạp trải rộng qua nhiều thành phố, đất nước.

1.1.2 Nền tảng ngôn ngữ C#

1.1.2.1 Namespace và Class

Mọi đối tượng của một chương trình C# đều phải đặt trong một class (hay lớp) và các class này sẽ được đặt trong một Namespace (dịch ra tiếng việt là không gian tên). Các Namespace phải có tên khác nhau, các class trong các namespace khác nhau thì có thể trùng tên. Khi đó tên các class sẽ được phân biệt bởi namespace chứa nó.

1.1.2.2 Toán tử "."

C# cung cấp cho bạn một toán tử dùng để gọi ra các lớp của một namespace đó là toán tử ".". Nếu muốn gọi ra một lớp trong một namespace bạn sử dụng cú pháp sau: Sử dụng lớp System.Console để nhập/ xuất dữ liệu. Lớp System.Console đây là lớp thường đường sử dụng trong các chương trình Console để đọc và ghi ra màn hình các giá trị text.

❖ Một số hàm thường dùng

- Console.Read(): Đọc dữ liệu từ bàn phím
- Console.ReadLine(): Đọc dữ liệu từ bàn phím và đưa con trỏ xuống dòng
- Console.Write(): Ghi dữ liệu ra màn hình
- Console.WriteLine(): Ghi dữ liệu ra màn hình và xuống dòng.
- Câu lệnh trong C# luôn được kết thúc bằng dấu ";"

1.1.3.3 Các kiểu

C# buộc phải khai báo kiểu của đối tượng được tạo. Khi kiểu được khai báo rõ ràng, trình biên dịch sẽ giúp ngăn ngừa lỗi bằng cách kiểm tra dữ liệu được gán cho đối tượng có hợp lệ không, đồng thời cấp phát đúng kích thước bộ nhớ cho đối tượng. C# phân thành hai loại: loại dữ liệu dựng sẵn và loại do người dùng định nghĩa. C# cũng chia tập dữ liệu thành hai kiểu: giá trị và tham chiếu. Biến kiểu giá trị được lưu trong vùng nhớ stack, còn biến kiểu tham chiếu được lưu trong vùng nhớ heap. C#

cũng hỗ trợ kiểu con trỏ của C++, nhưng ít khi được sử dụng. Thông thường con trỏ chỉ được sử dụng khi làm việc trực tiếp với Win API hay các đối tượng COM.

1.1.3.4 Câu lệnh

Cũng như trong C++ và Java một chỉ thị hoàn chỉnh thì được gọi là một câu lệnh (statement). Chương trình gồm nhiều câu lệnh, mỗi câu lệnh kết thúc bằng dấu ";".

Ví dụ: int x; // là một câu lệnh

x = 23; // một câu lệnh khác

Ngoài các câu lệnh bình thường như trên, có các câu lệnh khác là: lệnh rẽ nhánh không điều kiện, rẽ nhánh có điều kiện và lệnh lặp.

❖ Các lệnh rẽ nhánh không điều kiện

Có hai loại câu lệnh rẽ nhánh không điều kiện. Một là lệnh gọi phương thức: khi trình biên dịch thấy có lời gọi phương thức nó sẽ tạm dừng phương thức hiện hành và nhảy đến phương thức được gọi cho đến hết phương thức này sẽ trở về phương thức cũ.

❖ Lệnh rẽ nhánh có điều kiện

Các từ khóa if-else, while, do-while, for, switch-case, dùng để điều khiển dòng chảy chương trình. C# giữ lại tất cả các cú pháp của C++, ngoại trừ switch có vài cải tiến mới.

❖ Lệnh If … else …

Cú pháp:

if (biểu thức logic)

khối lệnh;

hoặc

if (biểu thức logic)

khối lệnh 1;

else

khối lệnh 2;

Ghi chú: Khối lệnh là một tập các câu lện trong cặp dấu "{…}". Bất kỳ nơi đâu có câu lệnh thì ở đó có thể viết bằng một khối lệnh.

Biểu thức logic là biểu thức cho giá trị dúng hoặc sai (true hoặc false). Nếu "biểu thức logic" cho giá trị đúng thì "khối lệnh" hay "khối lệnh 1" sẽ được thực thi, ngược

lại “khối lệnh 2” sẽ thực thi. Một điểm khác biệt với C++ là biểu thức trong câu lệnh if phải là biểu thức logic, không thể là biểu thức số.

❖ Lệnh switch

Cú pháp:

switch (biểu_thức_lựa_chọn)

{

case biểu_thức_hằng :

khối lệnh;

lệnh nhảy;

[default :

khối lệnh;

lệnh nhảy;]

}

Biểu thức lựa chọn là biểu thức sinh ra trị nguyên hay chuỗi. Switch sẽ so sánh biểu_thức_lựa_chọn với các biểu_thức_hằng để biết phải thực hiện với khối lệnh nào. Lệnh nhảy như break, goto…để thoát khỏi câu switch và bắt buộc phải có.

❖ Lệnh lặp

C# cung cấp các lệnh lặp giống C++ như for, while, do-while và lệnh lặp mới foreach. Nó cũng hổ trợ các câu lệnh nhảy như: goto, break, continue và return.

❖ Lệnh goto

Lệnh goto có thể dùng để tạo lệnh nhảy nhưng nhiều nhà lập trình chuyên nghiệp khuyên không nên dùng câu lệnh này vì nó phá vỡ tính cấu trúc của chương trình. Cách dùng câu lệnh này như sau: (giống như trong C++)

- Tạo một nhãn
- goto đến nhãn đó.

❖ Vòng lặp while

Cú pháp:

while (biểu_thức_logic)

khối_lệnh;

Khối_lệnh sẽ được thực hiện cho đến khi nào biểu thức còn đúng. Nếu ngay từ đầu biểu thức sai, khối lệnh sẽ không được thực thi.

❖ Vòng lặp do … while

Cú pháp:

Do

khối_lệnh;

while (biểu_thức_logic)

Khác với while khối lệnh sẽ được thực hiện trước, sau đó biệu thức được kiểm tra. Nếu biểu thức đúng khối lệnh lại được thực hiện.

❖ Vòng lặp for

Cú pháp:

for ([khởi_tạo_biến_đếm]; [biểu_thức]; [gia_tăng_biến_đếm])

khối lệnh;

❖ Câu lệnh break, continue, và return

Cả ba câu lệnh break, continue, và return rất quen thuộc trong C++ và Java, trong C#, ý nghĩa và cách sử dụng chúng hoàn toàn giống với hai ngôn ngữ này.

1.2 Giới thiệu về ngôn ngữ SQL 2005

SQL Server 2005 là một hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu(Relational Database Management System (RDBMS)) sử dụng Transact-SQL để trao đổi dữ liệu giữa Client computer và SQL Server computer. Một RDBMS bao gồm databases, database engine và các ứng dụng dùng để quản lý dữ liệu và các bộ phận khác nhau trong RDBMS. SQL Server 2005 được tối ưu để có thể chạy trên môi trường cơ sở dữ liệu rất lớn (Very Large Database Environment) lên đến Tera-Byte và có thể phục vụ cùng lúc cho hàng ngàn user. SQL Server 2005 có thể kết hợp "ăn ý" với các server khác nh ư Microsoft InternetInformation Server (IIS), E-Commerce Server, Proxy Server....

1.2.1 SQL là ngôn ngữ của cơ sở dữ liệu quan hệ

SQL, viết tắt của Structured Query Language (ngôn ngữ hỏi có cấu trúc), là công cụ sử dụng để tổ chức, quản lý và truy xuất dữ liệu được lưu trữ trong các cơ sở dữ liệu. SQL là một hệ thống ngôn ngữ bao gồm tập các câu lệnh sử dụng để tương tác với cơ sở dữ liệu quan hệ.

Khả năng của SQL vượt xa so với một công cụ truy xuất dữ liệu, mặc dù đây là mục đích ban đầu khi SQL được xây dựng nên và truy xuất dữ liệu vẫn còn là một trong những chức năng quan trọng của nó. SQL được sử dụng để điều khiển tất cả các chức năng mà một hệ quản trị cơ sở dữ liệu cung cấp cho người dùng.

1.2.2 Vai trò của SQL

- SQL là ngôn ngữ hỏi có tính tương tác
- SQL là ngôn ngữ lập trình cơ sở dữ liệu
- SQL là ngôn ngữ quản trị cơ sở dữ liệu
- SQL là ngôn ngữ cho các hệ thống khách/chủ (client/server)
- SQL là ngôn ngữ truy cập dữ liệu trên Internet
- SQL là ngôn ngữ cơ sở dữ liệu phân tán
- SQL là ngôn ngữ sử dụng cho các cổng giao tiếp cơ sở dữ liệu

1.3. Lý thuyết về kế toán tiền lương

1.3.1. Khái niệm và bản chất của tiền lương

Tiền lương là một phần thu nhập của người lao động được biểu hiện bằng tiền trên cơ sở số lượng và chất lượng lao động trong khi thực hiện công việc của bản thân người lao động theo cam kết giữa chủ doanh nghiệp và người lao động.

Tiền lương gắn liền với sức lao động, tiền tệ và nền sản xuất hàng hoá được biểu hiện bằng tiền để bù đắp hao phí sức lao động của người lao động. Đây là khoản tiền cần thiết phải trả cho người lao động tương ứng với sức lao động mà họ bỏ ra để tạo ra lượng sản phẩm hàng hoá.

1.3.2. Phân loại tiền lương

• Về mặt hiệu quả:

+ Lương chính: Tiền lương trả cho người lao động trong thời gian thực tế có làm việc bao gồm cả lương cấp bậc, tiền thưởng và các khoản phụ cấp có tính chất lượng.

+ Lương phụ: Tiền lương trả cho người lao động trong thời gian thực tế không làm việc nhưng theo chế độ quy định đựơc hưởng như nghỉ phép, nghỉ lễ tết…

• Tiền lương danh nghĩa và tiền lương thực tế

+ Tiền lương danh nghĩa là số lượng tiền tệ mà người sử dụng lao động trả cho người lao động, phù hợp với số lượng, chất lượng lao động mà họ đã bỏ ra.

+ Tiền lương thực tế là số lượng tư liệu sinh hoạt và dịch vụ mà người sử dụng lao động, trao đổi bằng tiền lương danh nghĩa của mình sau khi đã đóng góp các khoản thuế, khoản đóng góp phải nộp theo quy định.

• Lương theo thời gian: Lương tháng, lương tuần, lương ngày, lương giờ: căn cứ vào thời gian làm việc thực tế để trả lương.

• Lương theo sản phẩm: Căn cứ vào số lượng, chất lượng sản phẩm làm ra và theo đơn giá tiền lương tính cho 1 đơn vị sản phẩm.

+ Trả lương theo sản phẩm trực tiếp không hạn chế: số lượng SP * đơn giá.

+ Trả lương theo sản phẩm gián tiếp: áp dụng cho công nhân phục vụ sản xuất.

+ Trả lương theo sản phẩm có thưởng: là việc kết hợp trả lương theo sản phẩm.

+ Trả lương theo sản phẩm luỹ tiến: trả trên cơ sở sản phẩm trực tiếp, và căn cứ vào mức độ hoàn thành định mức sản xuất.

1.3.3. Chức năng và ý nghĩa của tiền lương

1.3.3.1. Chức năng của tiền lương

Một là - Chức năng tái sản xuất sức lao động.

Hai là - Chức năng kích thích người lao động.

Ba là - Chức năng giám sát người lao động.

Bốn là - Chức năng điều hoà lao động.

Trong bốn chức năng trên thì chức năng thứ nhất là quan trọng nhất.

1.3.3.2. Ý nghĩa của tiền lương

Tiền lương là yếu tố cơ bản quyết định mức sống vật chất của người lao động. Vì vậy, để trả lương cho công nhân một cách đúng đắn, công bằng, chính xác, đảm bảo quyền lợi cho người lao động, tạo ra sự quan tâm của người lao động đến kết quả cuối cùng. Tiền lương là một trong những chi phí của doanh nghiệp. Mục tiêu của doanh nghiệp là tối đa hoá lợi nhuận và tối thiểu hoá chi phí, nhưng cũng phải chú ý đến quyền lợi của người công nhân. Vì vậy hạch toán tiền lương và các khoản trích theo lương có ý nghĩa to lớn đối với sự phát triển của doanh nghiệp và tinh thần lao động của người công nhân.

1.3.4. Các khoản trích theo lương

1.3.4.1. Quỹ tiền lương trong doanh nghiệp

Quỹ tiền lương trong doanh nghiệp là toàn bộ tiền lương mà doanh nghiệp trả cho tất cả lao động thuộc doanh nghiệp quản lý. Thành phần quỹ lương bao gồm nhiều khoản như lương thời gian (tháng, ngày, giờ), lương sản phẩm, phụ cấp (cấp bậc, khu vực, chức vụ, đắt đỏ...), tiền thưởng trong sản xuất. Quỹ tiền lương bao gồm nhiều loại tuy nhiên về mặt hạch toán có thể chia thành tiền lương lao động trực tiếp và tiền lương lao động gián tiếp trong đó chi tiết theo tiền lương chính và tiền lương phụ.

1.3.4.2. Bảo hiểm xã hội

Từ ngày 1/1/2012, tỷ lệ đóng bảo hiểm xã hội (BHXH) sẽ là 24% mức tiền lương cơ bản hàng tháng đóng BHXH của người lao động, tăng 2% so với năm cũ. Trong đó, người sử dụng lao động đóng 17% và người lao động đóng 7% BHXH.

Trong số này sẽ có 3% đóng góp vào quỹ ốm đau, thai sản, 1% vào quỹ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và 20% vào quỹ hưu trí, tử tuất.

Riêng đối với đối tượng hạ sĩ quan, binh sĩ quân đội nhân dân và hạ sĩ quan, chiến sĩ công an nhân dân phục vụ có thời hạn, người sử dụng lao động đóng BHXH cho nhóm này bằng 21% mức lương tối thiểu chung (trong đó: 1% vào quỹ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; 20% vào quỹ hưu trí, tử tuất).

1.3.4.3. Bảo hiểm y tế

Đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn, hợp đồng lao động có thời hạn từ đủ 3 tháng trở lên; người lao động là người quản lý doanh nghiệp hưởng tiền lương, tiền công; cán bộ, công chức, viên chức thì mức trích lập BHYT bằng 4,5% mức tiền lương cơ bản hằng tháng của người lao động, trong đó người sử dụng lao động đóng góp 3% và người lao động đóng góp 1,5%.

1.3.4.4. Bảo hiểm thất nghiệp

Theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội thì mức đóng bảo hiểm thất nghiệp được quy định như sau: người lao động đóng bảo hiểm thất nghiệp bằng 1% tiền lương cơ bản hàng tháng; người sử dụng lao động đóng bằng 1% quỹ tiền lương cơ bản hàng tháng và Nhà nước sẽ hỗ trợ từ ngân sách bằng 1% quỹ tiền lương cơ bản hàng tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp.

1.3.4.5. Kinh phí công đoàn

KPCĐ được hình thành do việc trích lập vào chi phí SXKD của doanh nghiệp hàng tháng theo 1 tỷ lệ quy định trên tổng số tiền lương phải trả cho CNV. KPCĐ do

người sử dụng lao động đóng góp 2% trên tổng số tiền lương thực tế phải trả cho CN trong kỳ. Quỹ KPCĐ 1 phần nộp cho cơ quan công đoàn và một phần để chi tiêu cho hoạt động công đoàn của doanh nghiệp.

1.3.5. Phương pháp tính lương

Tuỳ theo vùng ngành mỗi doanh nghiệp có thể điều chỉnh mức lương của mình sao cho phù hợp. Nhà nước cho phép tính hệ số điều chỉnh tăng thêm không quá 1,5n lần mức lương tối thiểu chung.

Hệ số điều chỉnh được tính theo công thức:

$$K_{đc} = K_1 + K_2$$

Trong đó: $K_{đc}$: Hệ số điều chỉnh tăng thêm.

K_1 : Hệ số điều chỉnh theo vùng (có 3 mức 0,3; 0,2; 0,1).

K_2 : Hệ số điều chỉnh theo ngành (có 3 nhóm 1,2; 1,0; 0,8.)

Sau khi có hệ số điều chỉnh tăng thêm tối đa ($K_{đc} = K_1 + K_2$), doanh nghiệp được phép lựa chọn các hệ số điều chỉnh tăng thêm trong khung của mình để tính đơn giá phù hợp với hiệu quả sản xuất, kinh doanh, mà giới hạn dưới là mức lương tối thiểu chung do chính phủ quy định (tại thời điểm thực hiện từ ngày 01/01/1997 là 144.000 đ/ tháng) và giới hạn trên được tính như sau:

$$TL_{min đc} = TL_{min} \times (1 + K_{đc})$$

Trong đó:

$TL_{min\ đc}$: tiền lương tối thiểu điều chỉnh tối đa doanh nghiệp được phép áp dụng.

TL_{min} : là mức lương tối thiểu chung do chính phủ quy định, cũng là giới hạn dưới của khung lương tối thiểu.

$K_{đc}$: là hệ số điều chỉnh tăng thêm của doanh nghiệp.

1.3.6. Các hình thức trả lương

1.3.6.1. Trả lương theo thời gian

***** Hình thức trả lương theo thời gian giản đơn

+ Tiền lương tháng là tiền lương trả cố định hàng tháng trên cơ sở hợp đồng lao động với công nhân viên.

+ Tiền lương tuần: là tiền lương trả cho một tuần làm việc xác định trên cơ sở tiền lương tháng nhân (x) với 12 tháng và chia (:) cho 52 tuần.

+ Tiền lương ngày: là tiền lương trả cho một ngày làm việc xác định trên cơ sở tiền lương tháng chia cho 26.

+ Tiền lương giờ: Là tiền lương trả cho một giờ làm việc và được xác định bằng cách lấy tiền lương ngày chia cho số giờ tiêu chuẩn theo quy định của luật lao động (không quá 8 giờ/ ngày).

* Hình thức trả lương theo thời gian có thưởng:

Theo hình thức này tiền lương được tính bằng:

Tiền lương = *Thời gian làm việc* x *đơn giá tiền lương thời gian*

- Tiền lương theo thời gian có thể chia ra:

+ Tiền lương tháng là tiền lương trả cố định hàng tháng trên cơ sở hợp đồng lao động với công nhân viên.

+ Tiền lương tuần: là tiền lương trả cho một tuần làm việc được xác định trên cơ sở tiền lương x 12 tháng và chia làm 52 tuần.

$$L_T = \frac{L_T x 12}{5}$$

Trong đó: L_T : tiền lương tuần

$L_{T'}$: tiền lương tháng.

+ Tiền lương ngày: là tiền lương trả cho một ngày làm việc và được xác định bằng cách:

$$\textit{Mức lương} = \frac{\textit{Lương tháng}}{\textit{26 ngày làm việc thực tế}}$$

+ Tiền lương giờ: áp dụng đối với từng nhân viên làm việc kịp thời:

$$\textit{Mức lương} = \frac{\textit{Lương ngày}}{\textit{8 giờ làm việc}} \times \textit{Số giờ thực tế làm việc}$$

1.3.6.2. Trả lương theo sản phẩm

Tiền lương theo sản phẩm là hình thức trả lương cho người lao động căn cứ vào số lượng, chất lượng sản phẩm họ làm ra. Việc trả lương theo sản phẩm có thể tiến hành theo nhiều hình thức khác nhau như trả theo sản phẩm trực tiếp không hạn chế, trả theo sản phẩm gián tiếp, trả theo sản phẩm có thưởng, theo sản phẩm luỹ tiến.

Mức lương	=	*Khối lượng sản phẩm công việc hoàn thành tiêu chuẩn chất lượng*	x	*Đơn giá lương sản phẩm*

● *Trả lương theo sản phẩm trực tiếp*

Là hình thức tiền lương trả cho người lao động được tính theo số lượng sản lượng hoàn thành đúng quy cách, phẩm chất và đơn giá lương sản phẩm. Đây là hình thức được các doanh nghiệp sử dụng phổ biến để tính lương phải trả cho CNV trực tiếp sản xuất hàng loạt sản phẩm.

Cách tính:

$$Lsp = ĐG \times Q$$

Trong đó:

- Lsp: tiền lương sản phẩm của công nhân
- Q: Sản lượng thực tế của công nhân
- ĐG: Đơn giá sản phẩm

● *Trả lương theo sản phẩm gián tiếp*

Được áp dụng để trả lương cho công nhân làm các công việc phục vụ sản xuất như: công nhân vận chuyển nguyên vật liệu, thành phẩm, bảo dưỡng máy móc thiết bị,… Trong trường hợp này căn cứ vào kết quả sản xuất của lao động trực tiếp để tính lương cho lao động phục vụ sản xuất.

● *Trả lương theo khối lượng công việc*

Là hình thức tiền lương trả theo sản phẩm áp dụng cho những công việc lao động đơn giản, công viêc có tính chất đột xuất như: khoán bốc vác, khoán vận chuyển nguyên vật liệu, thành phẩm.

Các hình thức đãi ngộ khác ngoài tiền lương

Ngoài tiền lương, BHXH, CNV có thành tích trong sản xuất, trong công tác được hưởng khoản tiền thưởng, việc tính toán tiền lương căn cứ vào quyết định và chế độ quy định khen thưởng hiện hành.

Tiền thưởng thi đua từ quỹ khen thưởng, căn cứ vào kết quả nhận xét và hệ số tiền thưởng để tính.

Phương tiện hạch toán quỹ lương của doanh nghiệp được chia làm 2 loại:

▪ Tiền lương chính: Là tiền lương trả cho CNV chức trong thời gian làm nhiệm vụ của chính mình.

▪ Tiền lương phụ: Là tiền lương trả cho công nhân viên chức làm các công việc khác ngoài các công việc chính như: Hội họp, học tập…

Việc phân chia lương chính và lương phụ có ý nghĩa trong công tác hạch toán, lương chính được hạch toán trực tiếp vào các đối tượng tính giá thành liên quan trực tiếp đến năng suất lao động.

Lương phụ sẽ được phân bổ vào các đối tượng tính giá thành có liên quan trực tiếp đến năng suất lao động.

1.3.6.3. Trả lương theo khoán

Tiền lương khoán là hình thức trả lương cho người lao động theo khối lượng và chất lượng công việc mà họ hoàn thành.

Ngoài chế độ tiền lương, các doanh nghiệp còn tiến hành xây dựng chế độ tiền thưởng cho các cá nhân, tập thể có thành tích trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Tiền thưởng bao gồm thưởng thi đua (lấy từ quỹ khen thưởng) và thưởng trong sản xuất kinh doanh. Bên cạnh các chế độ tiền lương, tiền thưởng được hưởng trong quá trình kinh doanh, người lao động còn được hưởng các khoản trợ cấp thuộc quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trong các trường hợp ốm đau, thai sản... Các quỹ này được hình thành một phần do người lao động đóng góp, phần còn lại được tính vào chi phí kinh doanh của doanh nghiệp.

1.3.7. Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương

* Tài khoản sử dụng

Tài khoản 334 "Phải trả công nhân viên"

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản phải trả, phải thanh toán về tiền lương, tiền thưởng, BHXH, BHYT…cho công nhân viên. Nội dung là:

Bên Nợ

- Các khoản tiền lương (tiền công) tiền thưởng BHXH và các khoản đó trả đó ứng cho nhân viên

- Các khoản đó khấu trừ vào tiền lương (tiền công) của công nhân viên.

Bên Có

- Các khoản tiền lương (tiền công) tiền thưởng BHXH và các khoản phải trả cho nhân viên

Tài khoản 334 có thể có số dư bên nợ, trong trường hợp cá biệt số dư nợ (nếu có) thể hiện số tiền đó trả số phải trả, số phải trả công nhân viên hạch toán trên tài khoản này cần theo dõi riêng biệt theo các nội dung thanh toán tiền lương và các khoản khác.

* Tài khoản 338 "phải trả, phải nộp khác"

Tài khoản này dùng để phản ánh tình hình thanh toán khoản phải trả phải nộp khác ngoài nội dung đó phản ánh các tài khoản công nợ phải trả .Tài khoản liên quan trực tiếp đến công nhân viên bao gồm BHXH,BHYT,KPCĐ,BHTN và tài khoản 338 được thực hiện trên 9 tài khoản cấp 2 như :

- Tài khoản 338.1 “Tài sản thừa chờ giải quyết”
- Tài khoản 338.2 “Kinh phí công đoàn”
- Tài khoản 338.3 “Bảo hiểm xã hội”
- Tài khoản 338.4 “Bảo hiểm y tế”
- Tài khoản 338.5 “Phải trả về cổ phần hóa”
- Tài khoản 338.6 “Nhận kí quỹ, ký cược ngắn hạn”
- Tài khoản 338.7 “Doanh thu chưa thực hiện”
- Tài khoản 338.8 “Phải trả, phải nộp khác”
- Tài khoản 338.9 “Bảo hiểm thất nghiệp”

Nội dung phản ánh các tài khoản có thể được tóm tắt như sau:

Bên Nợ :

- Tình hình chi tiêu sử dụng kinh phí công đoàn, tính trợ cấp Bảo hiểm xã hội cho công nhân viên và nộp Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp cho cơ quan quản lý chuyên môn .

Bên Có :

Ngoài các tài khoản 334, 338, kế toán tiền lương và bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, cũng liên quan đến các tài khoản khác như:

- Tài khoản 622: "Chi phí công nhân trực tiếp"
- Tài khoản 627: "Chi phí sản xuất chung"
- Tài khoản 641: "Chi phí bán hàng"
- Tài khoản 642: "Chi phí quản lý doanh nghiệp"
- Tài khoản 335: "Chi phí phải trả"

Khái quát toàn bộ nội dung hạch toán tiền lương và các khoản trích theo lương theo sơ đồ sau:

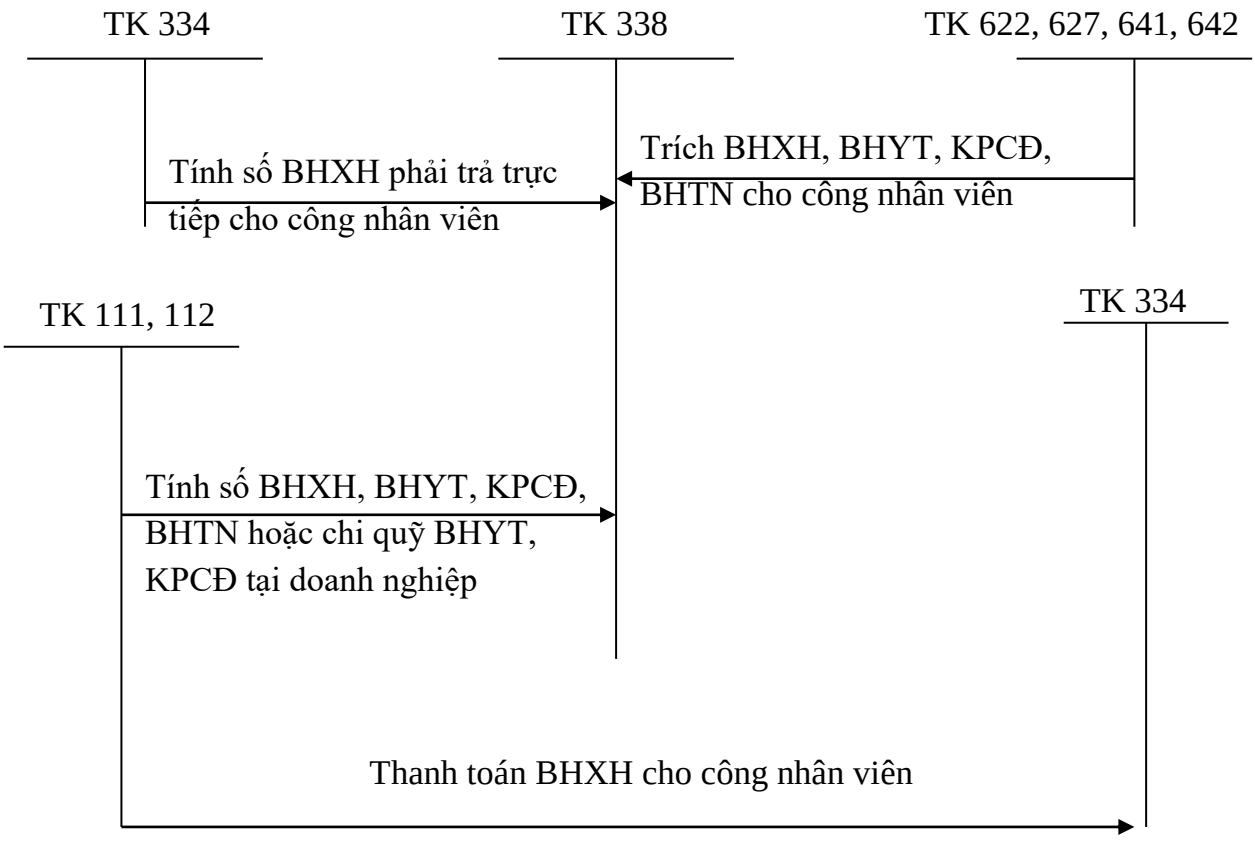

Sơ đồ 1.1. Hạch toán BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN

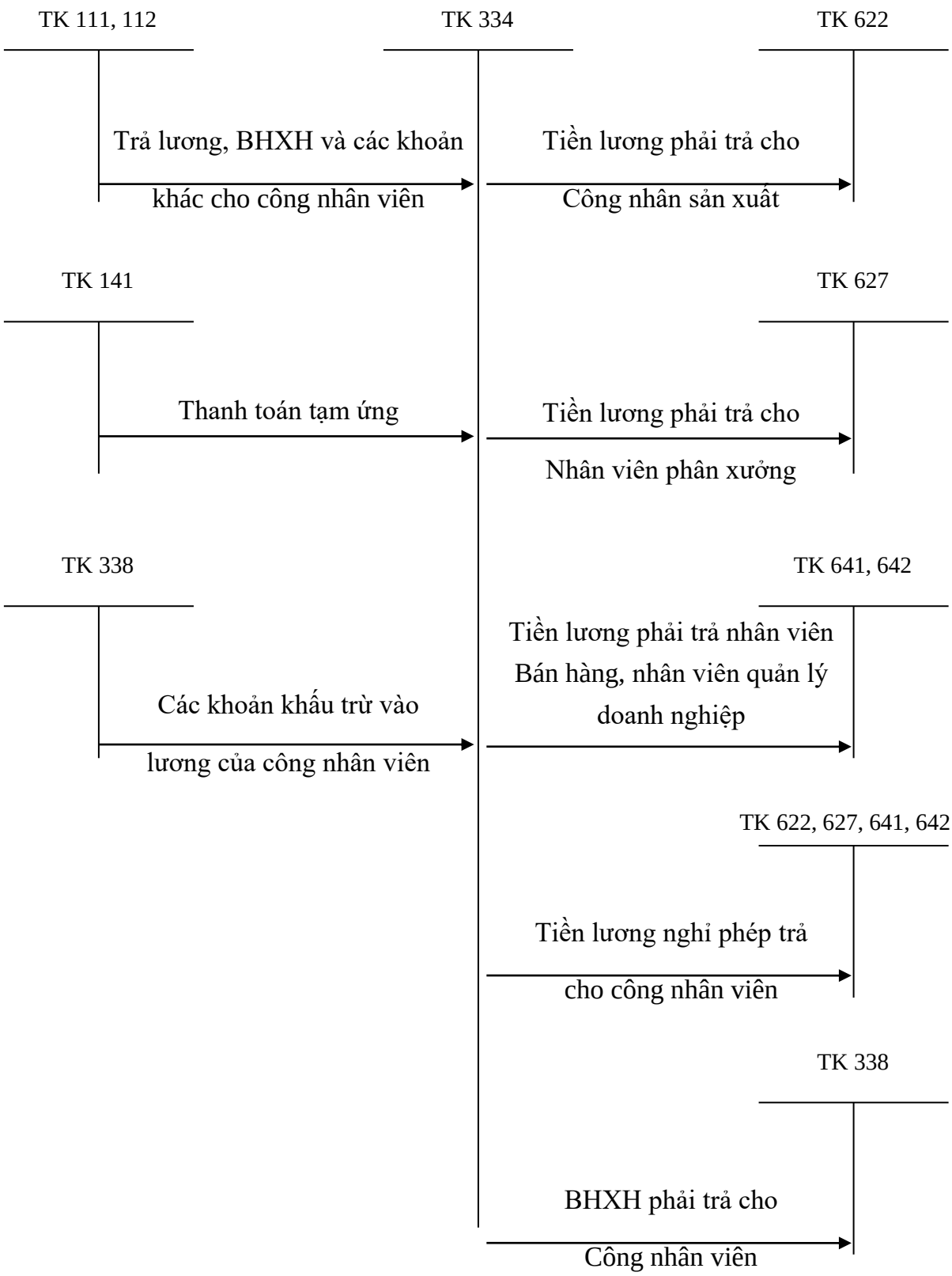

Sơ đồ 1.2. Sơ đồ hạch toán tiền lương

1.3.8. Hình thức tổ chức sổ kế toán

Sổ kế toán là sự biểu hiện vật chất cụ thể của phương pháp tài khoản và ghi chép trên sổ kế toán là sự thể hiện nguyên lý của phương pháp ghi sổ kép. Nói cách khác sổ kế toán là một phương tiện vật chất cơ bản, cần thiết để người làm kế toán ghi chép phản ánh một cách có hệ thống các thông tin kế toán theo thời gian cũng như theo đối tượng. Ghi sổ kế toán được thừa nhận là một giai đoạn phản ánh của kế toán trong quá trình công nghệ sản xuất thông tin kế toán.

Như vậy, hình thức tổ chức kế toán là hình thức kết hợp các sổ kế toán khác nhau về khả năng ghi chép, về kết cấu, nội dung phản ánh theo một trình tự hạch toán nhất định trên cơ sở của chứng từ gốc.

1.3.8.1. Hình thức nhật kí sổ cái

Đối với hình thức nhật ký Sổ Cái sử dụng chứng từ, các loại bảng và các loại sổ:

+ Chứng từ gốc

+ Sổ quỹ

+ Bảng Tổng hợp chứng từ

+ Nhật ký sổ cái

+ Sổ kế toán chi tiết

+ Bảng tổng hợp chi tiết

+ Báo cáo tài chính

Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc hay bảng tổng hợp chứng từ gốc kế toán ghi vào nhật ký sổ cái, sau đó ghi vào sổ *(thẻ)* kế toán chi tiết. Cuối tháng phải khóa sổ và tiến hành đối chiếu khớp đúng số liệu giữa sổ nhật ký - sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết *(được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết).* Về nguyên tắc, số phát sinh có và số dư cuối kỳ của từng tài khoản trên sổ nhật ký - sổ cái phải khớp đúng với số liệu trên bảng tổng hợp chi tiết theo từng tài khoản tương ứng.

1.3.8.2. Hình thức chứng từ ghi sổ

Đối với hình thức nhật ký Sổ cái sử dụng chứng từ, các loại bảng và các loại sổ:

+ Chứng từ gốc

+ Sổ quỹ

+ Bảng tổng hợp chứng từ

+ Sổ kế toán chi tiết

+ Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ

+ Sổ cái TK 334,338,...

+ Bảng tổng hợp chi tiết

+ Bảng cân đối phát sinh

+ Báo cáo tài chính

Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc hay bảng tổng hợp chứng từ gốc, kế toán lập chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, sau đó được dựng để ghi sổ cái. Các chứng từ gốc sau khi làm căn cứ lập chứng từ ghi sổ được dựng để ghi vào các sổ kế toán chi tiết. Cuối tháng phải khoá sổ tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong tháng trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, tổng số phát sinh Nợ, tổng số phát sinh Có và số dư của từng tài khoản trên sổ cái. Căn cứ vào sổ cái lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết được dựng để lập báo cáo tài chính.

Hình thức nhật kí chứng từ

Gồm các loại chứng từ, các loại bảng và các loại sổ:

+ Chứng từ gốc và các bảng phân bổ: Bảng phân bổ số 1

+ Bảng kê số 4,5

+ Nhật ký chứng từ số 7, số 1,2,...

+ Thẻ (sổ) kế toán chi tiết

+ Sổ cái TK 334,338,...

+ Bảng tổng hợp chi tiết

+ Báo cáo tài chính

Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc đó được kiểm tra lấy số liệu ghi trực tiếp vào các nhật ký chứng từ hay bảng kê, sổ chi tiết có liên quan. Đối với các nhật ký chứng từ được ghi vào các bảng kê, sổ chi tiết hàng ngày căn cứ vào chứng từ kế toán, vào bảng kê, vào sổ chi tiết. Cuối tháng phải chuyển số liệu tổng cộng của bảng kê, sổ chi tiết vào nhật ký chứng từ. Đối với các loại chi phí SXKD phát sinh nhiều lần hoặc mang tính chất phân bổ, Các chứng từ gốc trước hết được tập hợp và phân loại trong các bảng phân bổ, sau đó lấy số liệu kết quả của bảng phân bổ ghi vào các bảng kê và nhật ký chứng từ có liên quan.

1.3.8.3. Hình thức nhật kí chung

+ Chứng từ gốc

+ Nhật ký đặc biệt

+ Nhật ký chung

+ Thẻ (sổ) kế toán chi tiết

+ Sổ cái các TK 334,338,...

+ Bảng cân đối phát sinh

+ Bảng tổng hợp chi tiết

+ Báo cáo tài chính

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào nhật ký chung, sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên sổ nhật ký chung để ghi vào sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ nhật ký chung các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được ghi vào sổ kế toán chi tiết. Trường hợp đơn vị mở các sổ nhật ký đặc biệt (chuyên dùng) thì hàng ngày, căn cứ vào chứng từ được dùng làm căn cứ ghi sổ ghi nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào nhật ký đặc biệt liên quan.

Chương 2.
KHẢO SÁT THỰC TẾ, PHÂN TÍCH VÀ THIẾT KẾ HỆ THỐNG

2.1. Giới thiệu chung về công ty Tuyển than Hòn Gai - Vinacomin

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty

Công ty Tuyển than Hòn Gai cũng có một bề dày lịch sử phát triển 54 năm, với tiền thân là công trường sàng tuyển của mỏ than Hòn Gai thuộc công ty than Bắc kỳ (năm 1955) đến nay đã trải qua 54 năm phát triển qua nhiều thời kỳ như sau:

- Thời kỳ từ 1955 – 1960: Công trường tuyển thuộc mỏ than Hòn Gai.

- Thời kỳ từ năm 1960 – 1975: gọi là xí nghiệp Bến Hòn Gai thuộc mỏ Hòn Gai.

- Thời kỳ từ 1975 – 1994: Với tên gọi là Xí nghiệp tuyển than Hòn Gai, trực thuộc Liên hiệp than Hòn Gai.

- Từ năm 1995 – 1997: Xí nghiệp Tuyển than Hòn Gai trực thuộc công ty than Hòn Gai (là đơn vị thành viên của Tổng công ty than Việt Nam).

- Từ năm 1997 – 2004: Công ty Tuyển than Hòn Gai là một doanh nghiệp thành viên hạch toán phụ thuộc Tổng công ty than Việt Nam.

- Từ ngày 12-11-2005: Theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ Tổng Công ty than Việt Nam đã sát nhập cùng Tổng Công ty khoáng sản Việt Nam và hình thành Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (gọi tắt là TKV). Và cũng bắt đầu từ đấy cho đến nay Công ty Tuyển than Hòn Gai cũng là một doanh nghiệp thành viên (hạch toán phụ thuộc) của TKV.

2.1.2. Đặc điểm chung

- Tên công ty: Công ty Tuyển than Hòn Gai - Vinacomin.

- Là đơn vị hạch toán phụ thuộc

- Tên giao dịch quốc tế: HON GAI COAL WASHERY EN TEPRICE

- Địa chỉ: Phường Hồng Hà - TP Hạ Long - Quảng Ninh.

- Lĩnh vực kinh doanh: Sàng tuyển, sản xuất chế biến và tiêu thụ than

2.2. Công tác kế toán tiền lương tại công ty

2.2.1. Hình thức kế toán công ty đang áp dụng.

2.2.1.1. Chính sách kế toán áp dụng tại công ty.

Hiện nay, công ty đang áp dụng ghi sổ theo hình thức nhật ký chứng từ, với hệ thống sổ sách, tài khoản sử dụng phù hợp theo đúng chế độ kế toán tiền lương của Nhà nước ban hành.

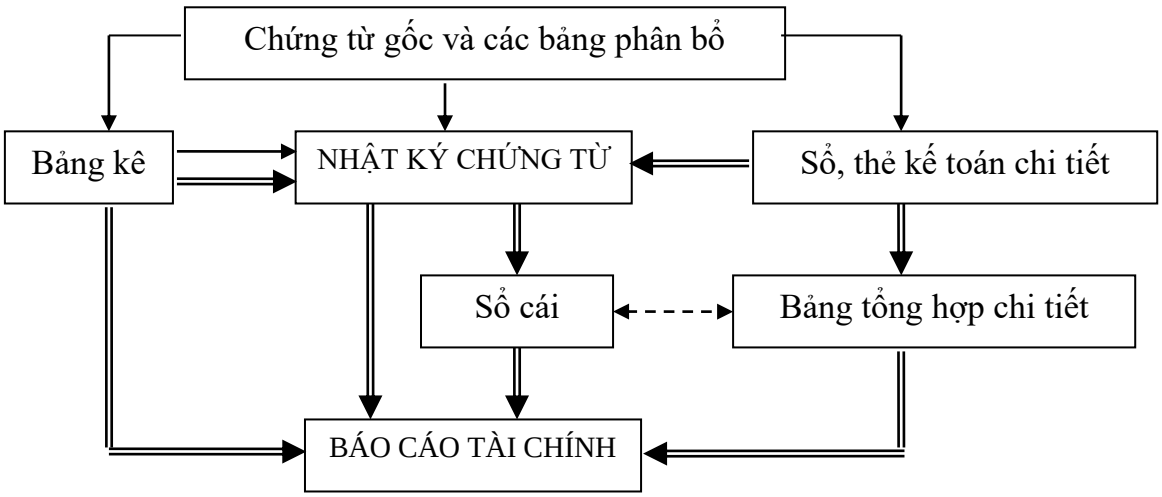

Ghi Chú:

Ghi hàng ngày

Ghi cuối tháng

Đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 2.1. Trình tự kế toán theo hình thức Nhật kí chứng từ

2.2.1.2. Giải thích sơ đồ.

Hàng ngày căn cứ vào chứng từ gốc và các bảng phân bổ kế toán ghi vào sổ nhật ký chứng từ. Các chứng từ gốc sau khi làm căn cứ để ghi vào nhật ký chứng từ thì còn được dùng ghi vào bảng kê và sổ thẻ kế toán chi tiết.

Một Nhật ký chứng từ có thể mở cho một tài khoản hoặc nhiều tài khoản có một nội dung kinh tế giống nhau. Nhật ký chứng từ được đánh số liệu liên tục trong từng ngày, từng tháng hoặc cả năm và có chứng từ gốc đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán. Để ghi chép Nhật ký chứng từ là những chứng từ gốc, số liệu của sổ kế toán chi tiết, sử dụng Bảng kê, Bảng phân bổ. Nhật ký chứng từ phải mở từng tháng một, hết mỗi tháng phải khoá sổ Nhật ký chứng từ cũ và mở Nhật ký chứng từ cho tháng sau, và chuyển số dư tháng trước sang.

Cuối tháng tổng cộng số liệu ghi 1 lần vào Nhật ký chứng từ. Các chứng từ cần lập Bảng kê thì ghi vào Bảng kê hàng ngày ghi trực tiếp vào Nhật ký chứng từ. Cuối tháng phải khoá sổ tính ra tổng tiền của nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh trong tháng trên sổ nhật ký chứng từ, tính tổng số phát sinh nợ, tổng số phát sinh có và số dư của từng tài khoản trên sổ cái.

Đối chiếu, kiểm tra số liệu ghi trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ sổ kế toán chi tiết) phải đúng khớp với nhau và được dùng để lên báo cáo tài chính.

2.2.2. Hạch toán kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty tuyển than Hòn Gai.

2.2.2.1. Hình thức trả lương

Xuất phát từ đặc điểm tổ chức của công ty, đặc điểm quy trình công nghệ và yêu cầu công tác quản lý, Công ty tuyển than Hòn Gai trả lương theo hình thức:

- Hình thức trả lương theo thời gian.
- Hình thức trả lương theo sản phẩm.

2.2.2.2. Phương pháp tính lương

** Hình thức trả lương theo thời gian*

Được áp dụng chủ yếu để tính lương cho bộ phận gián tiếp có nhiệm vụ quản lý, chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ. Đây là hình thức trả lương căn cứ vào thời gian lao động tại công ty để tính lương.

Đối với bộ phận văn phòng công ty trên cơ sở đã thông qua Ban giám đốc Công ty tuyển than Hòn Gai áp dụng tiền lương được quy đổi với từng bậc lương trong các thang lương trong chế độ tiền lương của nhà nước.

Lương cấp bậc, đơn giá tiền lương cho 1 ngày công, kế toán tính ra số tiền lương phải trả cho một công nhân viên như sau:

Lương thời gian phải trả cho CNV = Mức lương cơ bản theo ngạch bậc x (hệ số lương + hệ số các khoản phụ cấp được hưởng)/ số ngày làm việc trong tháng x số ngày làm việc thực tế.

Trong đó:

Lương cơ bản theo ngạch bậc = đơn giá lương cơ bản x *hệ số lương.*

Đơn giá tiền lương cơ bản: Tiền lương cơ bản trong công ty được ban Giám đốc công ty xác định theo kế hoạch thực hiện.

Hệ số tiền lương: được xác định bởi năng lực trình độ của cán bộ, công nhân viên trong công ty.

Căn cứ vào chứng từ hạch toán về thời gian lao động và hình thức trả lương theo thời gian áp dụng trong Công ty tuyển than Hòn Gai, cộng với các khoản phụ cấp phải trả, tiến hành tính và trả lương cho nhân viên.

Căn cứ vào các bảng chấm công của các phòng ban để tính lương và trả lương cho công nhân viên.

** Hình thức trả lương theo sản phẩm*

Đây là hình thức chủ yếu mà công ty áp dụng vì đa số công nhân sản xuất trực tiếp tại công ty làm theo hợp đồng đã ký kết. Công ty trả lương cho công nhân sản xuất ra sản phẩm đúng tiêu chuẩn kỹ thuật không kể sản phẩm làm dở dang.

Theo hình thức kế toán căn cứ vào phiếu xác nhận sản phẩm hoặc công việc hoàn thành ở từng phân xưởng, từng tổ do bộ phận quản lý và trưởng nhóm bộ phận đã ký xác nhận để tính trả lương cho từng bộ phận.

Căn cứ vào tổng số điểm của toàn phân xưởng ở bảng chấm điểm đã được duyệt và tổng số tiền lương sản phẩm toàn phân xưởng ta tính được giá trị một điểm theo công thức sau :

$$\textit{Giá trị một điểm} = \frac{\textit{Tổng tiền lương sản phẩm toàn phân xưởng}}{\textit{Tổng số điểm toàn phân xưởng}}$$

***** Cách tính lương phép:

$$\textit{Lương phép} = \frac{\textit{Mức lương tối thiểu (công ty áp dụng)} \times \textit{hệ số lương (của cá nhân)} \times \textit{số công phép (thực tế nghỉ)}}{\textit{26 ngày công}}$$

* Lương học họp tính giống lương phép

* Cách tính lương lễ, tết:

$$\textit{Lương lễ, tết} = \frac{\textit{Mức lương tối thiểu (công ty áp dụng)} \times \textit{Hệ số lương (của cá nhân)} \times \textit{Số công lễ (thực tế nghỉ)}}{\textit{26 ngày công}}$$

Cách tính lương phụ cấp trách nhiệm:

Lương phụ cấp trách nhiệm	=	*Mức lương tối thiểu (công ty áp dụng)*	x	*Hệ số phụ cấp trách nhiệm của cá nhân*

***** Hệ số phụ cấp trách nhiệm **:**

Hệ số phụ cấp trách nhiệm của các cán bộ được công ty quy định như sau:

- Cấp trưởng các đơn vị: Hệ số phụ cấp là 0,4

- Cấp phó các đơn vị: Hệ số phụ cấp là 0,3

* Lương của các trường hợp khác tính tương tự

Lương theo sản phẩm = số lượng sản phẩm hoàn thành x *đơn giá sản phẩm.*

Đơn giá sản phẩm theo mức quy định chung của bảng đơn giá định mức SP.

Ngoài lương chính trong khoản mục chi phí nhân công trực tiếp còn bao gồm cả khoản mục phụ cấp trách nhiệm, tiền ca ăn, các khoản tiền thưởng, tiền làm thêm vào các ngày chủ nhật, ngày lễ...tất cả khoản này được cộng tính vào lương chính và trả cho công nhân vào cuối tháng.

Căn cứ vào khối lượng sản phẩm hoàn thành đảm bảo chất lượng tiêu chuẩn đúng quy định được theo dõi ở phiếu xác nhận sản phẩm và công việc hoàn thành (Mẫu số 06- LĐTL) và đơn giá tiền lương sản phẩm Công ty tuyển than Hòn Gai để tính lương theo sản phẩm cho công nhân. Vì tiền lương sản phẩm tính cho tập thể công nhân nên kế toán phải thực hiện chia lương cho từng công nhân

2.2.2.3. Quy trình luân chuyển kế toán tiền lương tại Công ty

Quy trình luân chuyển chứng từ kế toán tiền lương được khái quát qua sơ đồ sau:

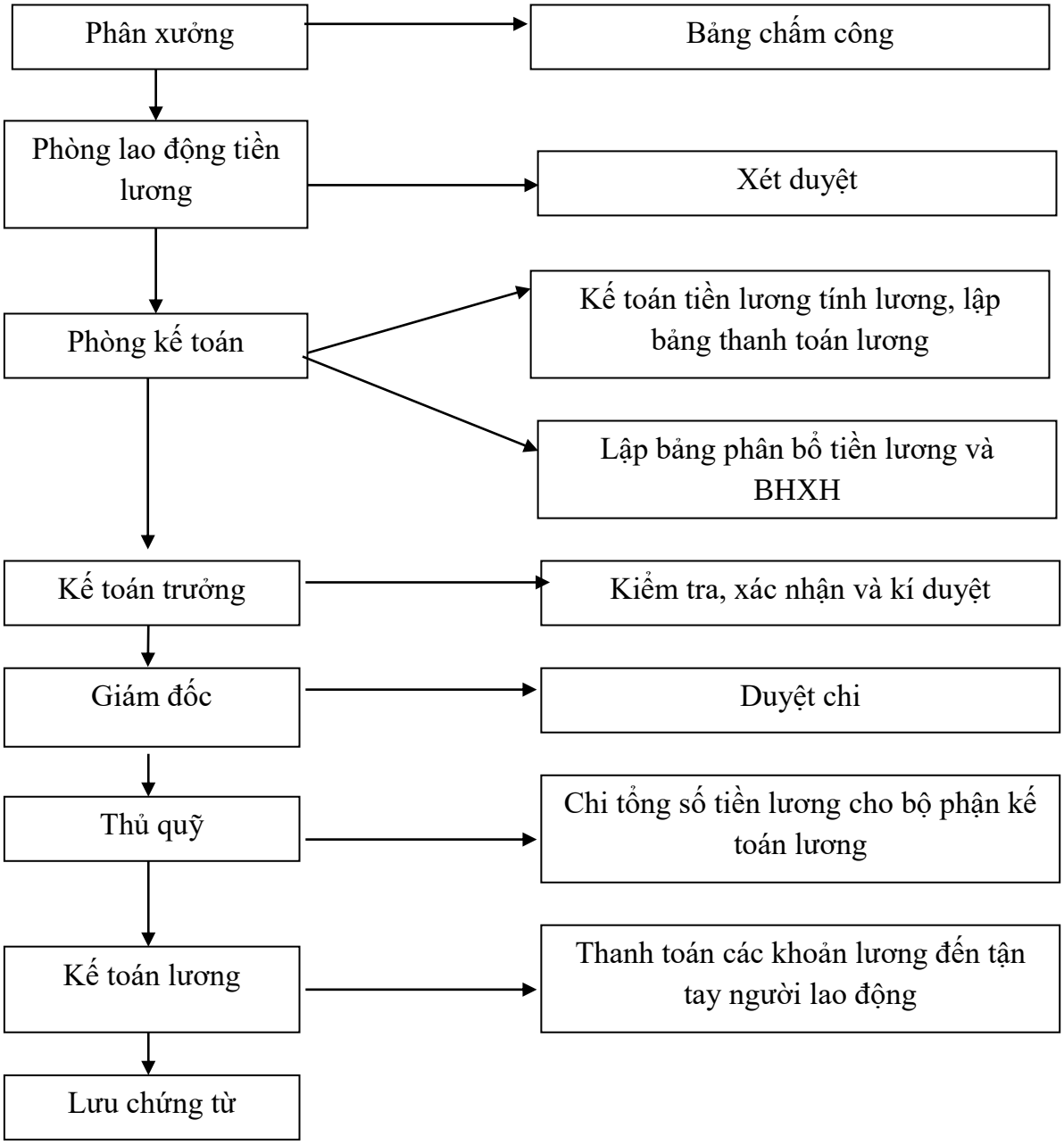

Sơ đồ 2.2. Quy trình kế toán tiền lương

2.2.2.4. Tài Khoản sử dụng

-TK 3341: Thanh toán lương với CBCNV: Dùng để phản ánh các khoản thu nhập có tính chất lương mà doanh nghiệp phải trả cho người lao động.

- TK3348: Thanh toán thu nhập khác cho CBCNV: Dùng để phản ánh các khoản thu nhập không có tính chất lương như: Trợ cấp từ quỹ BHXH, tiền thưởng trích từ quỹ khen thưởng,... mà doanh nghiệp phải trả cho người lao động.

Tài khoản 338 được chi tiết thành các TK cấp 2:

+ TK 3381: Tài sản thừa chờ xử lý.

+ TK 3382: Kinh phí Công đoàn.

+ TK 3383: Bảo hiểm xã hội.

+ TK 3384: Bảo hiểm y tế

+ TK 3386: Bảo hiểm thất nghiệp

Phương pháp hạch toán: Hàng tháng, căn cứ vào bảng thanh toán lương, bảng thanh toán thưởng kế toán phân loại tiền lương và lập chứng từ phân bổ tiền lương, tiền thưởng vào chi phí sản xuất kinh doanh.

Nợ TK 662: Phải trả CNSX trực tiếp.

Nợ TK 627: Phải trả nhân viên QLPX và CN gián tiếp.

Nợ TK 641: Phải trả cho nhân viên bán hàng.

Nợ TK 642: Phải trả nhân viên quản lý doanh nghiệp.

Có TK 334: Tiền lương, tiền thưởng, các khoản phụ cấp, trợ cấp có tính chất lương mà doanhnghiệp phải trả cho người lao động

Và một số tài khoản khác như: Tài khoản 141, tài khoản 138, TK 333, TK 335, TK 111, TK 112.

2.2.2.5. Chứng từ, bảng biểu và các loại sổ sử dụng

Kế toán tiền lương phải căn cứ vào các chứng từ hợp lệ, hợp pháp để kiểm tra và ghi chép vào sổ sách kế toán.

TẬP ĐOÀN KHOÁNG SẢN THAN VIỆT NAM **BẢNG CHẤM CÔNG**

CÔNG TY TUYỂN THAN HÒN GAI - VINACOMIN Bộ phận: .....

Tháng …/20..

TT	Họ và tên	Bậc lương	Ngày trong tháng												NC	Lễ phép	lương TG
			1	2	3	4	5	…	…	26	27	28	29	30			
1																	
2																	
3																	
…																	

Ngày 31/03/ 2007

Người chấm công	*Người duyệt*	*Phụ trách phân xưởng*
(Kí, họ tên)	(Kí, họ tên)	(Kí, họ tên)

Bảng 2.1. Bảng chấm công - Mẫu số 01-LĐTL

Đối với bộ phận trả lương theo thời gian thì chứng từ làm cơ sở để tính lương là "Bảng chấm công" Bảng này theo dõi ngày công thực tế làm việc, nghỉ việc, ngừng việc, nghỉ BHXH... để có căn cứ tính trả lương, BHXH trả thay lương cho từng người và quản lý lao động trong đơn vị. Việc ghi chép bảng chấm công hàng ngày do tổ trưởng (ban, phòng, nhóm,...) hoặc người được uỷ quyền căn cứ vào tình hình thực tế của bộ phận mình để chấm công cho từng người trong ngày. Cuối tháng người chấm công và phụ trách bộ phận ký vào bảng chấm công và chuyển chấm công cùng các chứng từ liên quan về bộ phận kế toán kiểm tra, đối chiếu quy ra công để tính lương.

TẬP ĐOÀN KHOÁNG SẢN THAN VIỆT NAM

CÔNG TY TUYỂN THAN HÒN GAI - VINACOMIN

BẢNG THANH TOÁN LƯƠNG

Bộ phận: Phòng Tổ Chức – Đào tạo

Tháng 11/2012

STT	Họ và tên	HS BT	PC CV	HS BS	Tổng công	Lương cơ bản	Lương KD	Tiền phép	Tổng thu nhập	Các khoản giảm trừ				Khen thưởng	Kỉ luật	Lương Thực lĩnh
										BHXH	BHYT	BHTN	Thuế TNCN			
1	Lê Quý Bình															
2	Trần Văn Lệ															
…	…	…	…	…	…	…	…	…..	….	…..	….	…..	….	….	….	….
	Tổng số :															

Hạ Long, Ngày 31/11/ 2012

Người chấm công	**Người duyệt**	**Phụ trách phân xưởng**
(Kí, họ tên)	(Kí, họ tên)	(Kí, họ tên)

Bảng 2.2. Bảng thanh toán lương – mẫu số 02 – LĐTL

Căn cứ vào bảng thanh toán lương của từng phân xưởng, phòng ban, kế toán tiền lương lập bảng thanh toán tiền lương tháng toàn công ty và bảng phân bổ số 1 – Bảng phân bổ tiền lương và BHXH và lập các nhật kí chứng từ chi tiết cho từng tài khoản.

BẢNG TỔNG HỢP LƯƠNG

Tháng 11/2012

Đơn vị	Tổng thu nhập	Các khoản trừ	Lương thực lĩnh
Vận tải	1.660.364.549	972.633.613	687.730.936
Sàng NC	1.759.985.492	726.628.439	1.033.357.053
Cơ giới	698.726.243	370.558.096	328.168.147
KCS	827.831.462	361.416.645	466.414.817
Kho than	628.051.983	309.057.529	318.994.454
Cơ khí	649.436.906	293.007.672	356.429.234
Đời sống	226.303.077	135.114.811	91.188.266
Văn phòng	1.449.364.121	1.014.304.483	435. 059.638
TT CNTT	53.378.765	40.000.041	13.378.724
Cảng NC	600.363.036	273.613.887	336.749.149
Cộng	**8.553.805.634**	**4.496.335.216**	**4.057.470.418**

Bảng 2.3 . Bảng tổng hợp lương tháng toàn công ty

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TUYỂN THAN HÒN GAI - VINACOMIN

BẢNG PHÂN BỔ SỐ 1
Tiền lương và bảo hiểm xã hội
Tháng 11/2012

Tài khoản sử dụng	Lương	Bảo hiểm	BHXH, BHYT	BHTN	KPCĐ	Tổng cộng
622	**2.721.274. 083**	**482.048. 095**	**412.278. 000**	**15.344.614**	**54.425. 481**	**3.203.322.178**
622.1	1.427.158.158	263.796.163	226.431.429	8.821.571	28.543.163	1.690.954.321
622.2	1.294.115.925	218.251.932	185.846.571	6.523.043	25.882.318	1.512.367.857
627	**3.526.677.088**	**438.116.187**	**352.459.663**	**15.122.983**	**70.533.541**	**3.964.793.275**
627.1	832.075.294	80.942.062	61.239.101	3.061.455	16.641.506	913.017.356
627.2	630.197.608	80.804.466	65.429.061	2.771.453	12.603.952	711.002.074
627.3	660.054.472	81.030.343	65.075.480	2.753.774	13.201.089	741.084.815
627.4	705.576.022	82.051.042	65.180.021	2.759.501	14.111.520	787.627.064
641	**613.726.167**	**68.074.925**	**53.143.240**	**2.657.162**	**12.274.523**	**681.801.092**
641.1	613.726.167	68.074.925	53.143.240	2.657.162	12.274.523	681.801.092
642	**1.543.213.089**	**166.872.296**	**114.345.225**	**21.662.809**	**30.864.262**	**1.710.085.385**
241.3	**186.312.035**	**32.712.249**	**28.986.008**		**3.726.241**	**219.024.284**
Cộng	**8.591.202.462**	**1.187.823.752**	**961.212.136**	**54.787.568**	**171.824.048**	**9.560.001.930**

Bảng 2.4. Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội theo tháng

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TUYỂN THAN HÒN GAI - VINACOMIN

TỔNG HỢP THU CHI

Tháng 11/2012

Dư đầu tháng: 16.496.444.404

Ngày	Số phiếu	Diễn giải	Nợ	Có	Thu	Chi
8/11		Chi lương kì 1 tháng 11/2012		112		2.258.000.000
22/11		Chi lương kì 2 tháng 10/2012		112		3.858.862.629
30/11		Trừ thuế thu nhập cá nhân2012		138.8		18.848.034
30/11		Trừ 8,5% BHXH qua lương		338.3		380.866.703
30/11		Trừ 1% BHTN qua lương		338.9		45,212.432
30/11		Trừ KPCĐ qua lương		338.8		83.030.357
30/11		Trừ quỹ hỗ trợ xã hội		353.5		34.500.000
30/11		Tiền lương sửa chữa lớn	241.3		186.312.035	
30/11		Tiền lương CN SXTT	622		2.721.274.083	
30/11		Tiền lương CN SXC	627		3.526.677.088	
30/11		Tiền lương CN BH	641		613.726.167	
30/11		Tiền lương CPQLDN	642		1.543.213.089	
		Cộng phát sinh			**8.591.202.462**	**6.679.320.155**
		Số dư cuối kì				**18.408.326.711**

Hạ Long, ngày 30 tháng 11 năm 2012

Kế toán tổng hợp **Kê toán trưởng**

(Kí, họ tên) (Kí, họ tên)

Bảng 2.5. Bảng tổng hợp thu chi tháng

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TUYỂN THAN HÒN GAI - VINACOMIN

NHẬT KÍ CHỨNG TỪ SỐ 10

TK 334

Tháng 11 năm 2012

Diễn giải	**Dư đầu kì**		**Ghi Nợ TK 334, Ghi có các TK**						**Ghi Có TK 334, Ghi Nợ các TK**					**Dư cuối kì**	
	Nợ	**Có**	**112**	**3335**	**3383**	**3384**	**3386**	**Cộng Nợ**	**622**	**627**	**641**	**642**	**Cộng Có**	**Nợ**	**Có**
Tiền lương															
Thuế TN															
BHXH															
BHYT															
BHTN															
Cộng															

Hạ Long, ngày 30 tháng 11 năm 2012

Kế toán tổng hợp
(Kí, họ tên)

Kê toán trưởng
(Kí, họ tên)

Bảng 2.6. Nhật kí chứng từ số 10 - TK 334

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TUYỂN THAN HÒN GAI - VINACOMIN

NHẬT KÍ CHỨNG TỪ SỐ 10

TK 338

Tháng 11/2012

Diễn giải	Dư đầu kì		Ghi Nợ TK 338, Ghi có các TK			Ghi Có TK 338, Ghi Nợ các TK						Dư cuối kì	
	Nợ	Có	111	112	Cộng Nợ	622	627	641	642	334	Cộng Có	Nợ	Có
Trích nộp vào quỹ công đoàn													
Trích BHXH 24%													
Trích BHYT 4,5%													
Trích BHTN 2%													
Cộng													

Hạ Long, ngày 30 tháng 11 năm 2012

Kế toán tổng hợp
(Kí, họ tên)

Kê toán trưởng
(Kí, họ tên)

Bảng 2.7. Nhật kí chứng từ số 10 - TK 338

2.3. Phân tích thiết kế hệ thống

2.3.1. Phân tích thiết kế về chức năng

2.3.1.1. Sơ đồ phân cấp chức năng

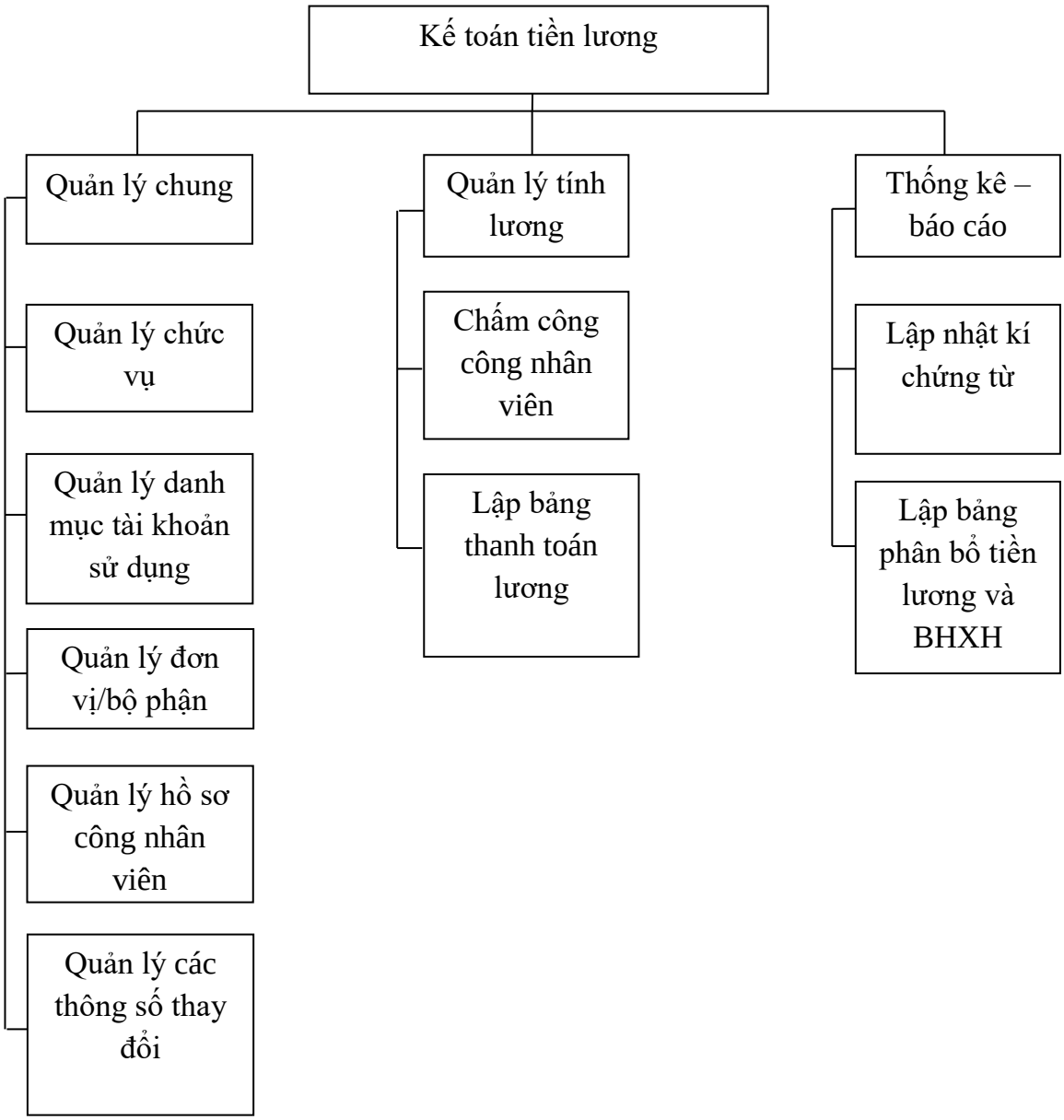

Hình 3.1. Sơ đồ phân cấp chức năng

Chương trình gồm có 3 chức năng chính: Quản lý chung, Quản lý tính lương, Thống kê – báo cáo.

2.3.1.2. Sơ đồ mức khung cảnh

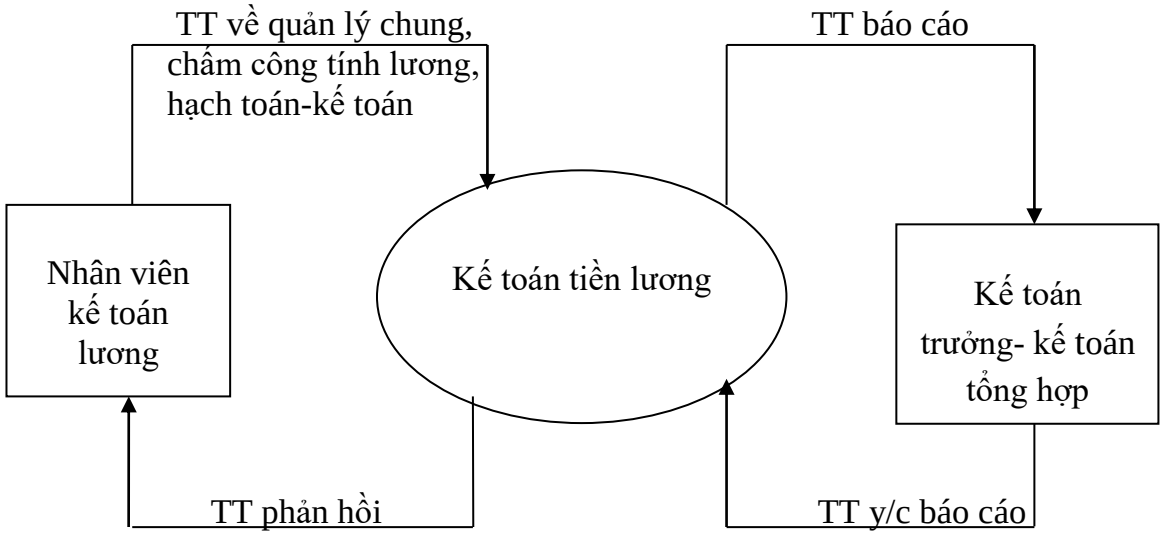

Hình 3.2. Sơ đồ mức khung cảnh

Chương trình cho phép Nhân viên kế toán lương, Kế toán trưởng và kế toán tổng hợp tác động lên. Trong đó, nhân viên kế toán lương được thực hiện thao tác đầy đủ các chức năng có trên chương trình như nhập, thêm, sửa, xóa các thông tin cần thiết để quản lý và lập các bảng chấm công, tính lương, bảng phân bổ tiền lương và nhật kí chứng từ cũng như tìm kiếm và in được kết quả. Kế toán trưởng và kế toán tổng hợp chỉ được phân quyền đăng nhập vào hệ thống và in báo cáo kết quả cần tìm kiếm để kiểm tra, giám sát và hỗ trợ cho công việc của mình.

2.3.1.3. Sơ đồ mức đỉnh

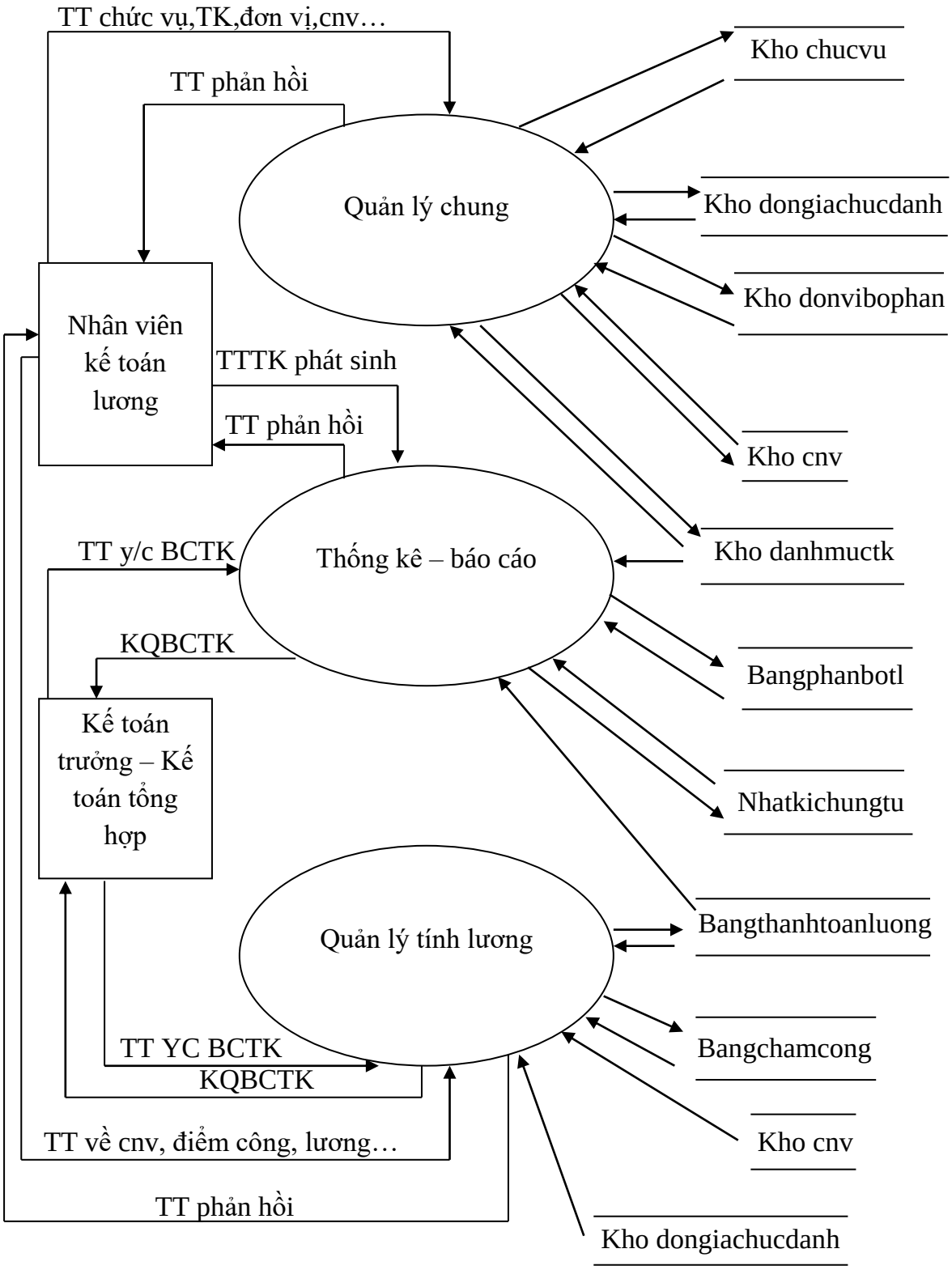

Hình 3.3. Sơ đồ mức đỉnh

- Ở chức năng Quản lý chung: nhân viên kế toán lương nhập thông tin về mã chức vụ, tên chức vụ, phụ cấp chức vụ để cập nhập vào kho quản lý chức vụ; mã đơn vị, tên đơn vị, tên tài khoản kế toán tương ứng để cập nhật vào kho donvibophan; mã tài khoản, tên tài khoản để cập nhật vào kho danhmuctk; mã công nhân viên, tên công nhân viên, quên quán, năm sinh, số chứng minh thư, số điện thoại, số tài khoản ngân hàng, lấy thông tin tên đơn vị từ kho quản lý đơn vị tương ứng với nhân viên đó, lấy tên chức vụ tương ứng từ kho chucvu, hệ số bản thân, phụ cấp chức vụ, tiêu chuẩn nghỉ phép, tiêu chuẩn lĩnh lương kì 1 để cập nhật vào kho cnv; mã chức danh, tên chức danh, hệ số giãn cách, định mức khoán, đơn giá sản phẩm tiền lương, đơn vị tính, điểm tiền lương ca 3, ghi chú để cập nhật vào kho dongiachucdanh. Ở chức năng này nhân viên kế toán lương có quyền cập nhật thêm, sửa, xóa các thông tin theo từng kì thay đổi để phù hợp với công ty cũng như công nhân viên trong công ty.

- Ở chức năng Quản lý tính lương:

+ Nhân viên kế toán lương: được phép cập nhật thêm, sửa, xóa các thông tin cần thiết có trong bảng chấm công và bảng thanh toán lương của công nhân viên do nhân viên kinh tế của từng bộ phận gửi tới để kiểm toán lại và lưu trữ để cuối kì tổng hợp và lập bảng phân bố tiền lương và nhật kí chứng từ liên quan kế toán tiền lương cho toàn công ty. Cụ thể ở bảng chấm công cập nhật thông tin về mã công nhân viên, tên công nhân viên, tên đơn vị, ngày, tên chức danh, ca, khối lương sản phẩm hoàn thành, ngày phép, tính điểm công hàng ngày cho nhân viên đó thèo từng ngày cụ thể. Tương tự ở bảng thanh toán lương cập nhật thông tin về công nhân viên và tính tiền lương gốc trong tháng cho công nhân viên đó, tính các khoản bảo hiệm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và thuế thu nhập cá nhân phải thu công nhân viên, sau đó tổng hợp tính lương thanh toán cho công nhân viên tại thời điểm cuối tháng.

+ Kế toán tổng hợp – kế toán trưởng: được phép đăng nhập vào hệ thống vào xem và tím kiếm các thông tin ở bảng chấm công – tính lương cũng như in ra được kết quả tìm kiếm đó để kiểm toán và phục vụ cho công tác của mình.

- Ở chức năng Thống kê – báo cáo:

+ Nhân viên kế toán lương: được phép cập nhật thêm, sửa, xóa, truy vấn, tính toán các thông tin cần thiết để hoàn thiện bảng phân bố tiền lương và BHXH cho toàn công ty trong tháng đó, đồng thời cập nhật các nhật kí chứng từ liên quan. Cụ thể ở bảng phân bổ tiền lương và BHXH, nhân viên kế toán lương cập nhật thông tin về mã phân bổ, tài khoản sử dụng tương ứng với từng bộ phận đơn vị, tính tổng lương của cả đơn vị đó trong tháng, sau đó tính bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất

nghiệp, kinh phí công đoàn phải trả cho công nhân theo quy định hiện hành, cuối cùng tổng hợp tất cả và lưu giữ. Ở nhật kí chứng từ gồm có các chứng từ TK 334.1, TK 338.2, TK 338.3, TK 338.9, nhân viên kế toán lương cần lấy các số liệu cần thiết tương ứng trong kho bangthanhtoanluong và kho bangphanbotl để tổng hợp và cập nhật vào các nhật kí chứng từ đó cho phù hợp.

+ Kế toán tổng hợp – kế toán trưởng: được phép đăng nhập vào hệ thống vào xem và tím kiếm các thông tin ở bảng bảng phân bố tiền lương và BHXH và các nhật kí chứng từ liên quan cũng như in ra được kết quả tìm kiếm đó để kiểm toán và phục vụ cho công tác của mình.

2.3.1.4. Sơ đồ mức dưới đỉnh cho chức năng Quản lý chung

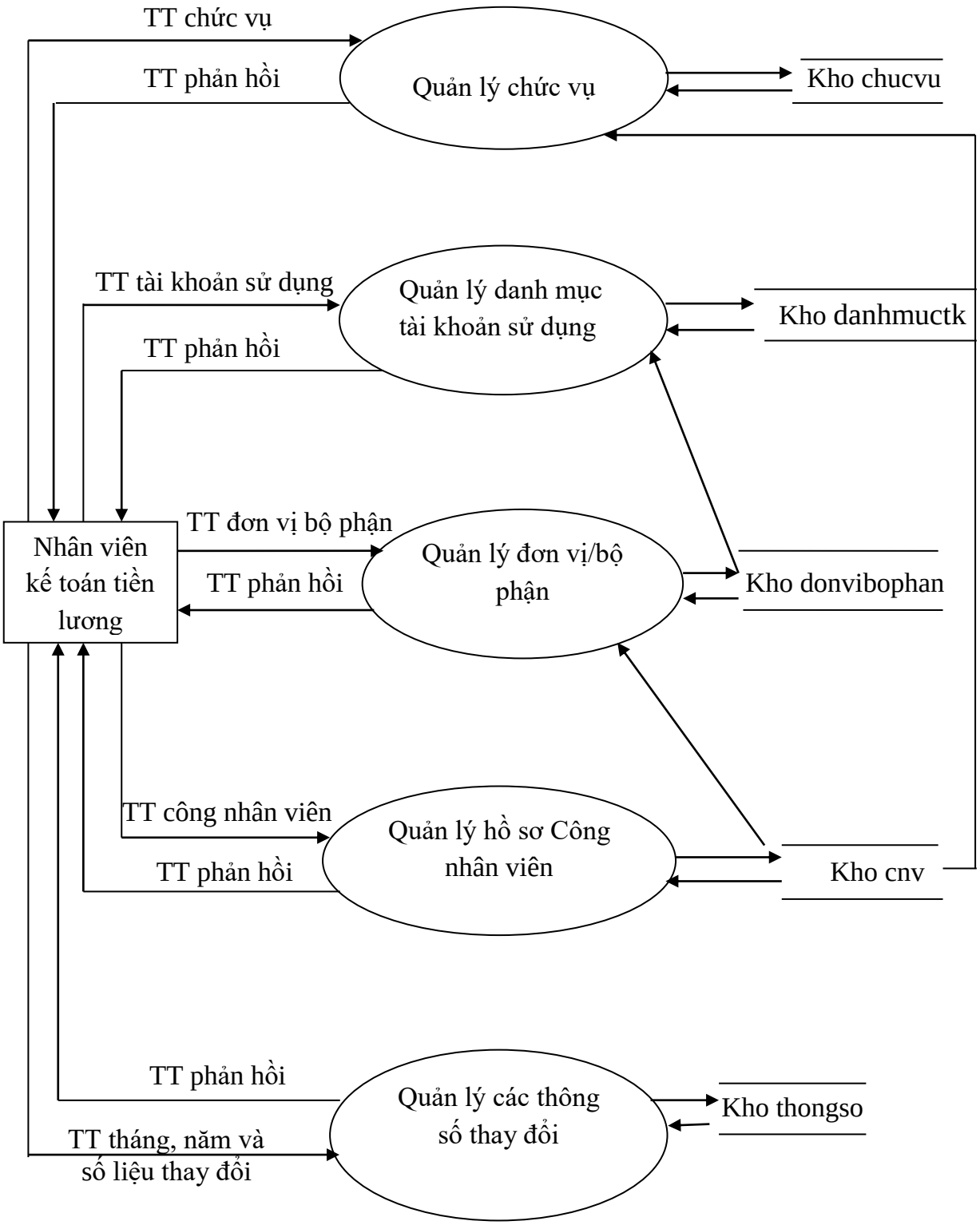

Hình 3.4. Sơ đồ mức dưới đỉnh cho chức năng Quản lý chung

2.3.1.5. Sơ đồ mức dưới đỉnh cho chức năng Quản lý tính lương

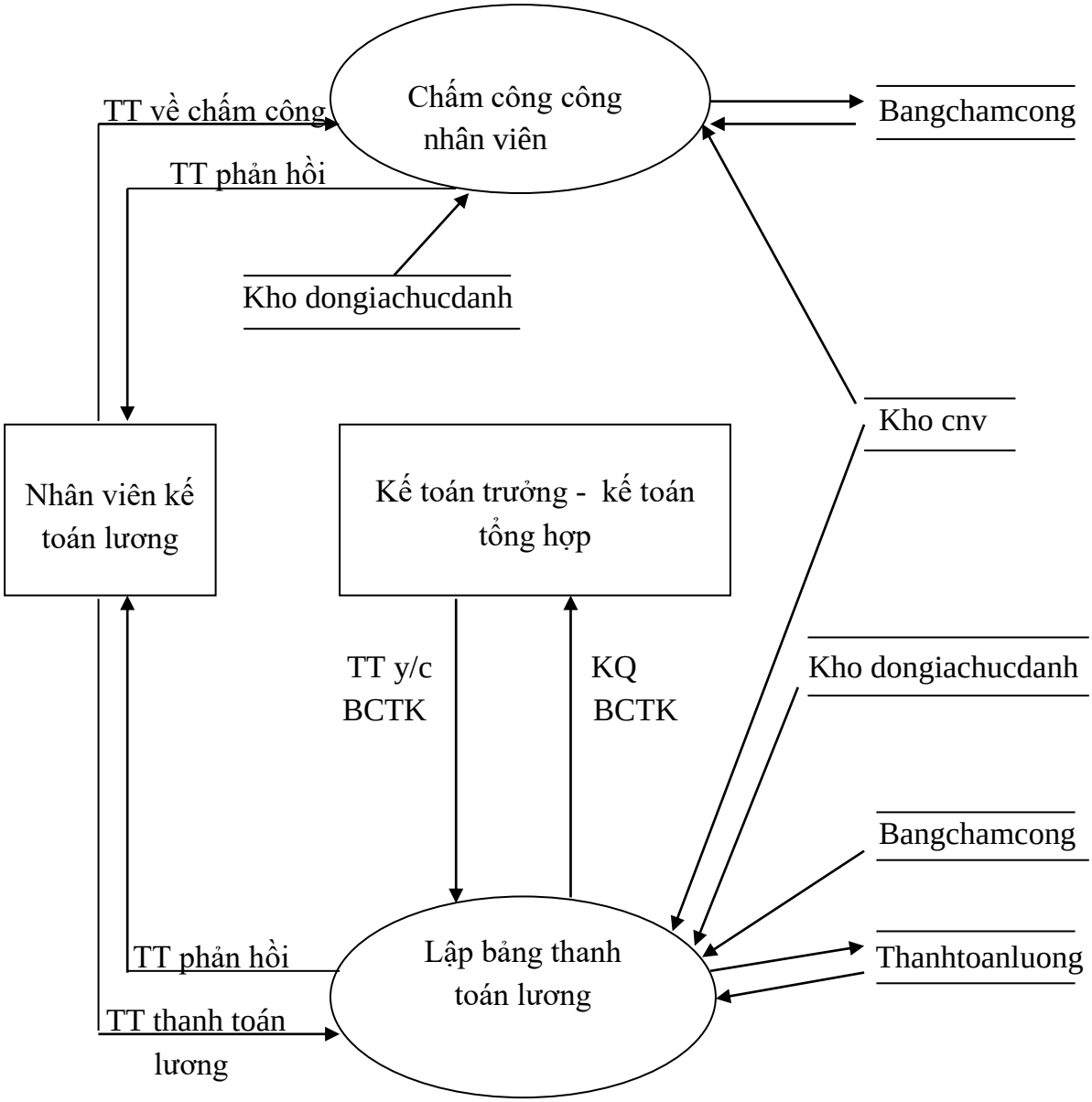

Hình 3.5. Sơ đồ mức dưới đỉnh cho chức năng Quản lý tính lương

2.3.1.6. Sơ đồ mức dưới đỉnh cho chức năng Thống kê – báo cáo

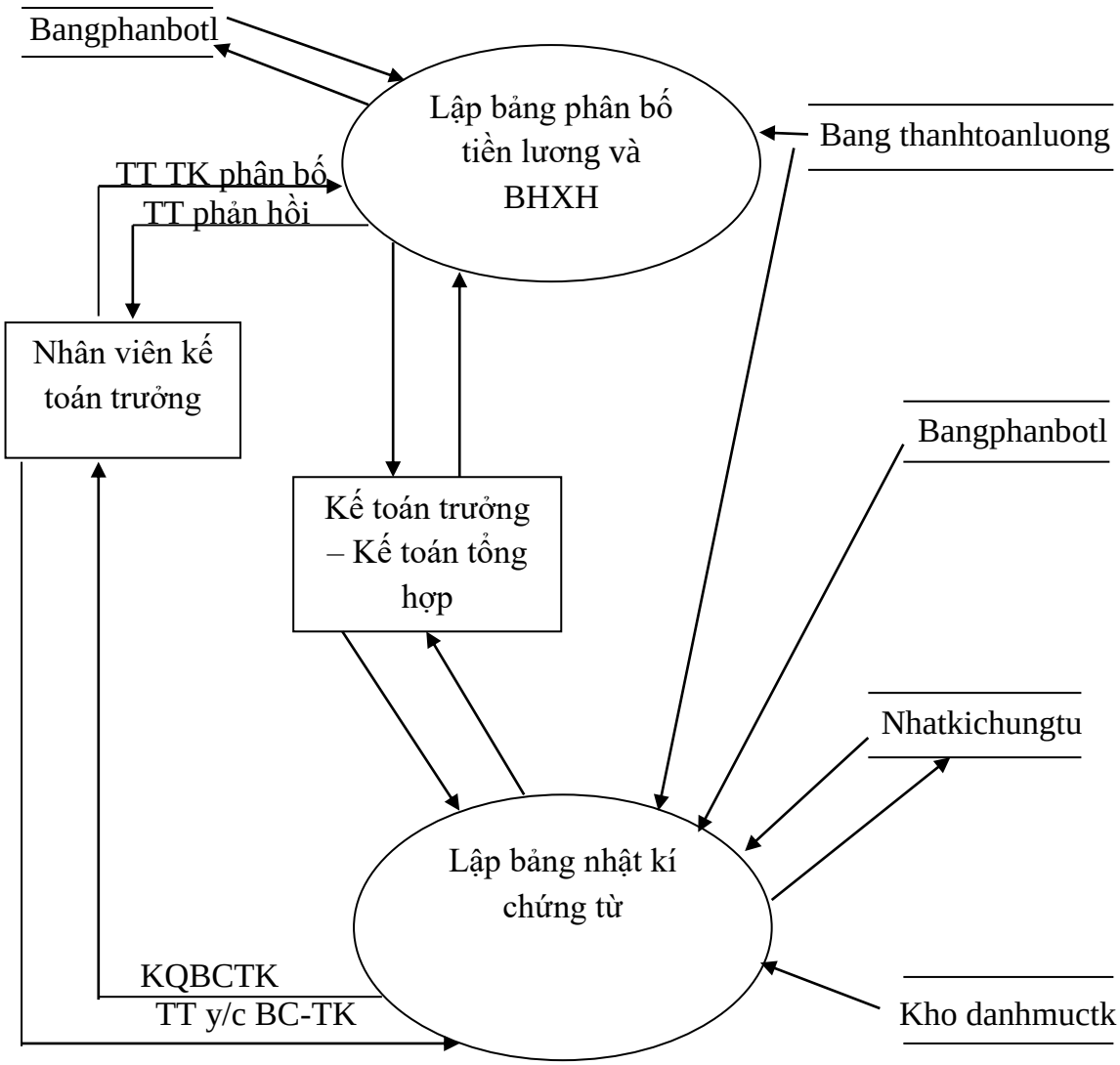

Hình 3.6. Sơ đồ mức dưới đỉnh cho chức năng Thống kê – báo cáo

2.3.2. Phân tích thiết kế về cơ sở dữ liệu

Thuộc tính	Tên thuộc tính	Diễn giải
usename	varchar(20)	Người dùng
Password	varchar(20)	Mật khẩu
permission	bit	Cho phép(phân quyền)

Bảng 2.8. Login

Thuộc tính	Tên thuộc tính	Diễn giải
matk	varchar(20)	Mã tài khoản
tentk	nvarchar(500)	Tên tài khoản
tkme	varchar(20)	Tài khoản mẹ
ghichu	nvarchar(500)	Ghi chú
istkme	bit	Xác định tài khoản mẹ

Bảng 2.9. Danh mục tài khoản

Thuộc tính	Tên thuộc tính	Diễn giải
madv	varchar(20)	Mã đơn vị
tendv	nvarchar(500)	Tên đơn vị
matk	varchar(20)	matk
ghichu	nvarchar(500)	Ghi chú
pb	bit	Xác định phòng ban

Bảng 2.10. Đơn vị bộ phận

Thuộc tính	Tên thuộc tính	Diễn giải
Macv	varchar(20)	Mã chức vụ
tencv	nvarchar(500)	Tên chức vụ
pccv	float	pccv

Bảng 2.11. Chức vụ

Thuộc tính	Tên thuộc tính	Diễn giải
manv	varchar(20)	Mã nhân viên
tennv	nvarchar(200)	Tên nhân viên
madv	varchar(20)	Mã đơn vị
macv	varchar(20)	Mã chức vụ
cmtnd	varchar(50)	Số chứng minh thư
sdt	varchar(50)	Số điện thoại
sotknh	varchar(50)	Số tài khoản ngân hàng
tcphep	int	Tiêu chuẩn phép

Bảng 2.12. Nhân viên

Thuộc tính	Tên thuộc tính	Diễn giải
mats	nvarchar(20)	Mã thông số
tents	nvarchar(500)	Tên thông số
thang	int	Tháng
nam	int	Năm
ts	float	Thông số

Bảng 2.13. Thông số

Thuộc tính	Tên thuộc tính	Diễn giải
manv	varchar(20)	Mã nhân viên
thang	int	Tháng
nam	int	Năm
hsluongbt	float	Hệ số lương bản thân
hsbosung	float	Hệ số lương bổ sung
tongsocong	float	Tổng số công
socongphep	float	Số công phép
khenthuong	int	Khen thưởng
kiluat	int	Kỉ luật

Bảng 2.14. Bảng chấm công

Thuộc tính	Tên thuộc tính	Diễn giải
manv	varchar(20)	Mã nhân viên
thang	int	Tháng
nam	int	Năm
tongthunhap	float	Tổng thu nhập
bhxh	float	Bảo hiểm xã hội
bhyt	float	Bảo hiểm y tế
bhtn	float	Bảo hiểm thất nghiệp
thuetncn	float	Thuế thu nhập cá nhân
khenthuong	float	Khen thưởng
kiluat	float	Kỉ luật
luongthuclinh	float	Lương thực lĩnh

Bảng 2.15. Bảng thanh toán lương

Thuộc tính	Tên thuộc tính	Diễn giải
madv	varchar(20)	Mã đơn vị
thang	int	Tháng
nam	int	nam
tongthunhap	float	Tổng thu nhập
bhxh	float	Bảo hiệm xã hội
bhyt	float	Bảo hiệm y tế
bhtn	float	Bảo hiểm thật nghiệp
thuetncn	float	Thuế thu nhập cá nhân
khenthuong	float	Khen thưởng
kiluat	float	Kỉ luật
luongthuclinh	float	Lương thực lĩnh

Bảng 2.16. Bảng tổng hợp lương

Chương 3.
CHƯƠNG TRÌNH THỰC NGHIỆM

3.1. Form đăng nhập

Hình 3.1. Form đăng nhập

3.2. Form main

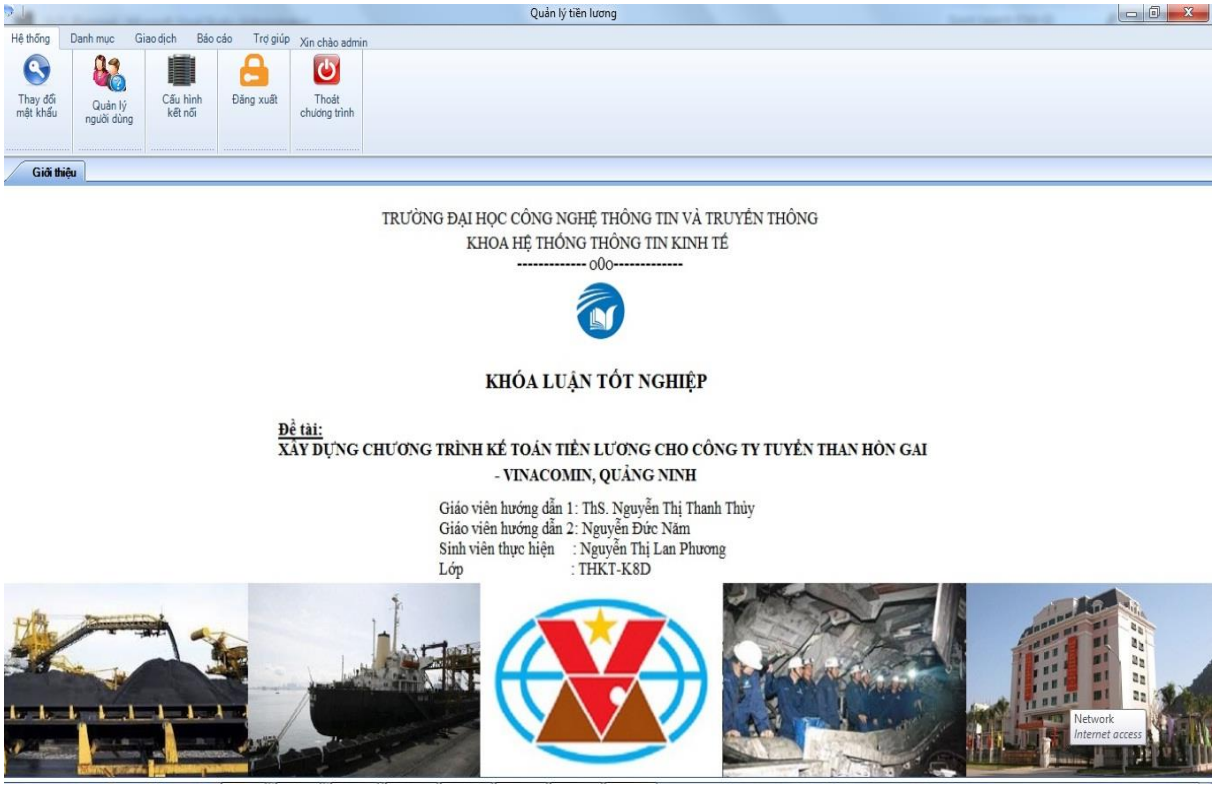

Hình 3.2. Form main

3.3. Form quản lý chức vụ

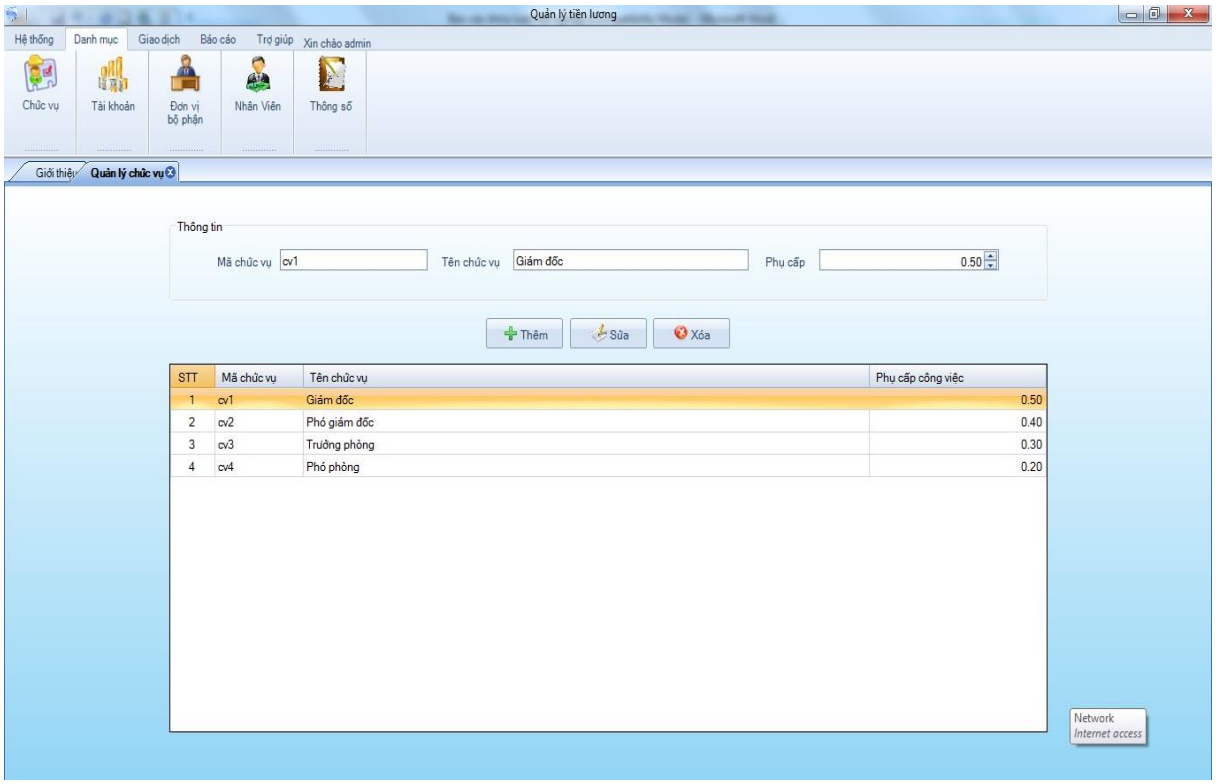

Hình 3.3. Form quản lý chức vụ

3.4. Form quản lý đơn vị bộ phận

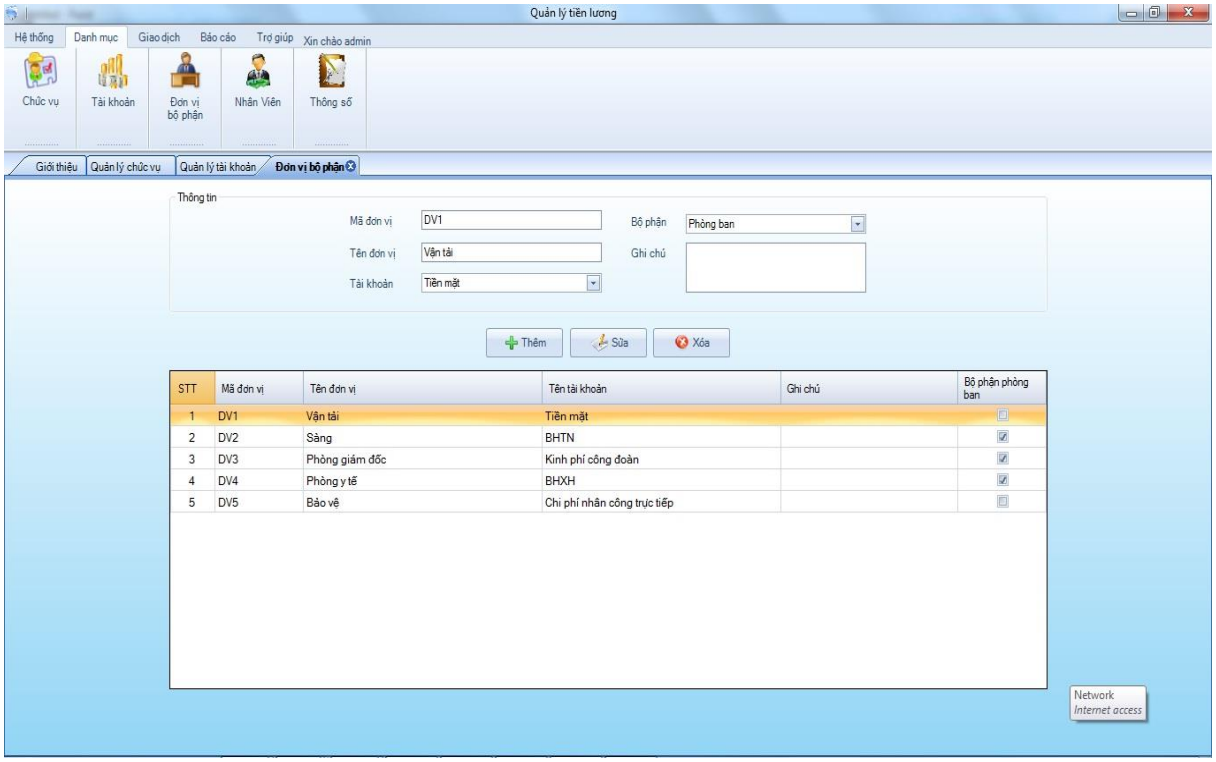

Hình 3.4. Form quản lý đơn vị bộ phận

3.5. Form quản lý tài khoản sử dụng

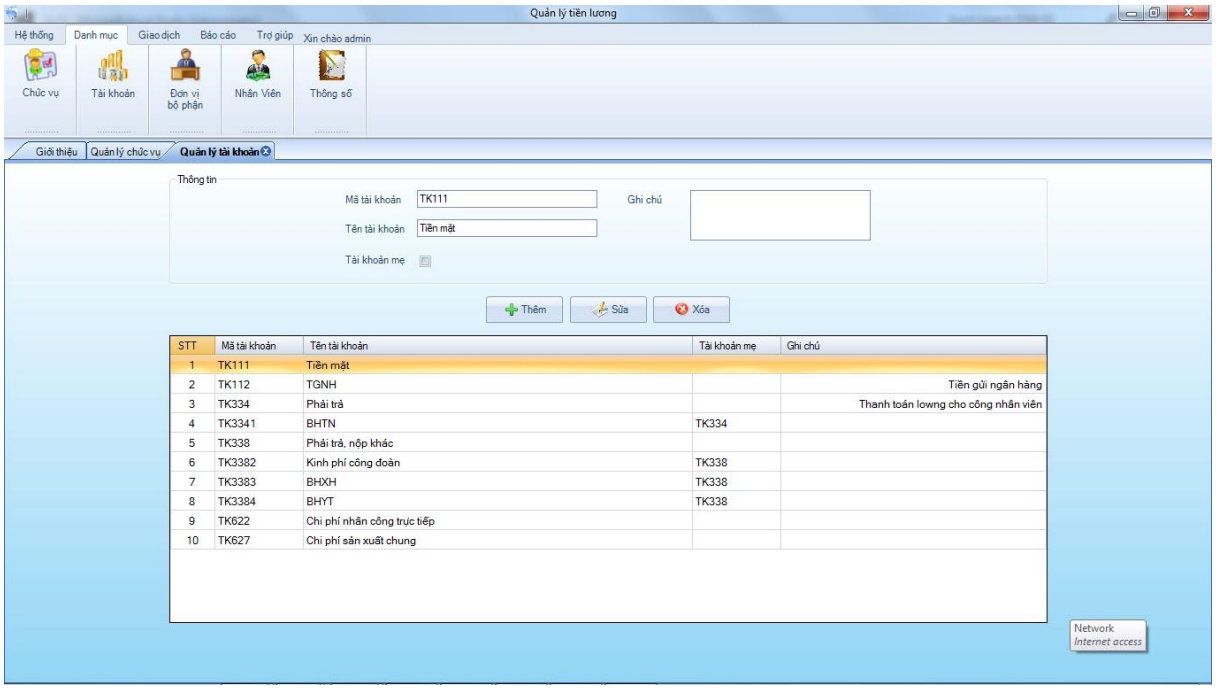

Hình 3.5. Form quản lý tài khoản sử dụng

3.6. Form quản lý nhân viên

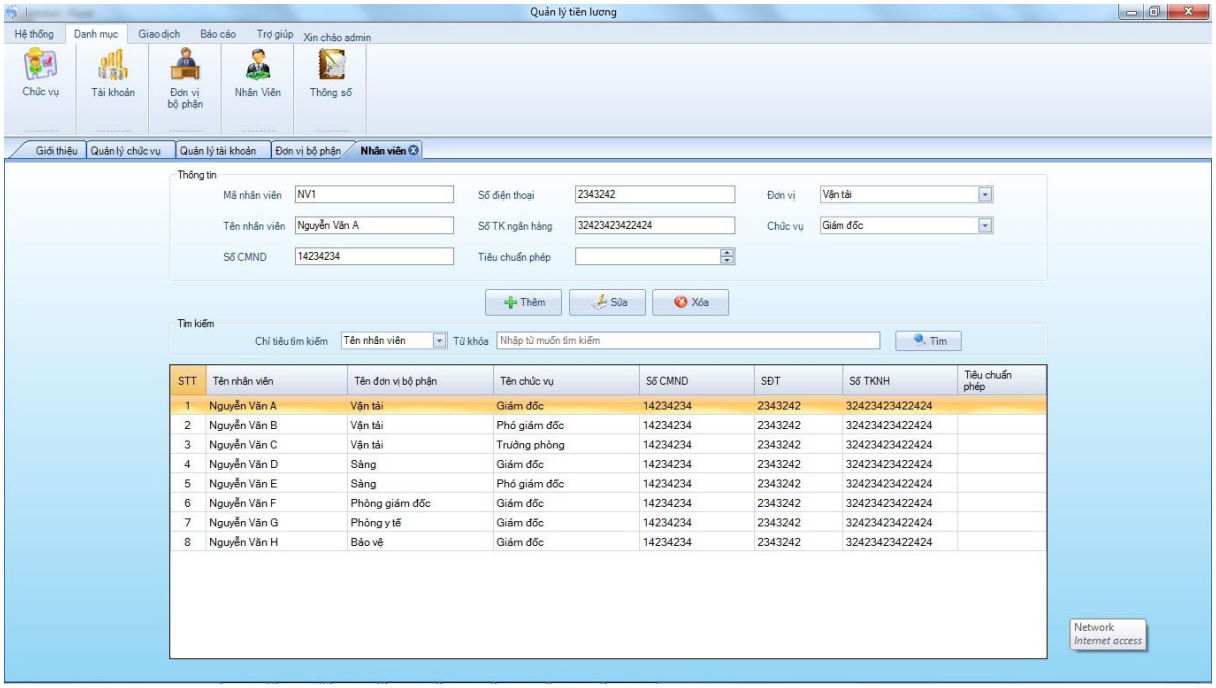

Hình 3.6. Form quản lý nhân viên

3.8. Form quản lý thông số

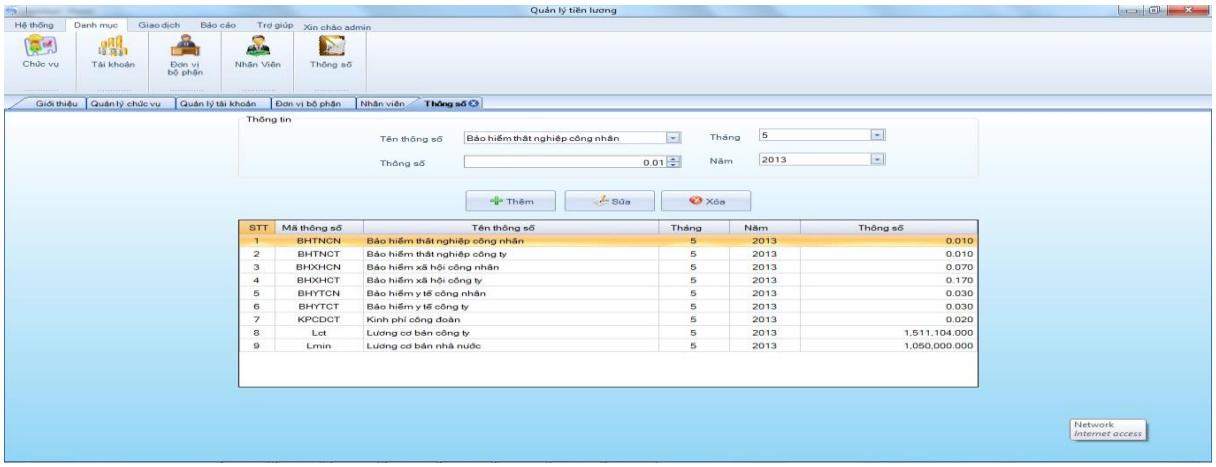

Hình 3.8. Form quản lý thông số

3.9. Form chấm công

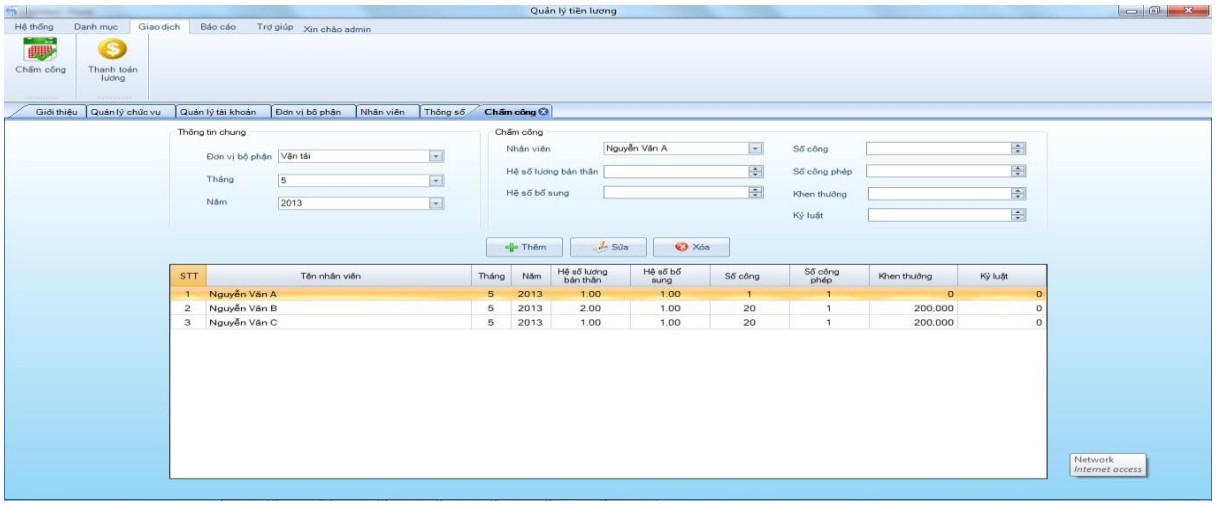

Hình 3.9. Form chấm công

3.10. Form thanh toán lương

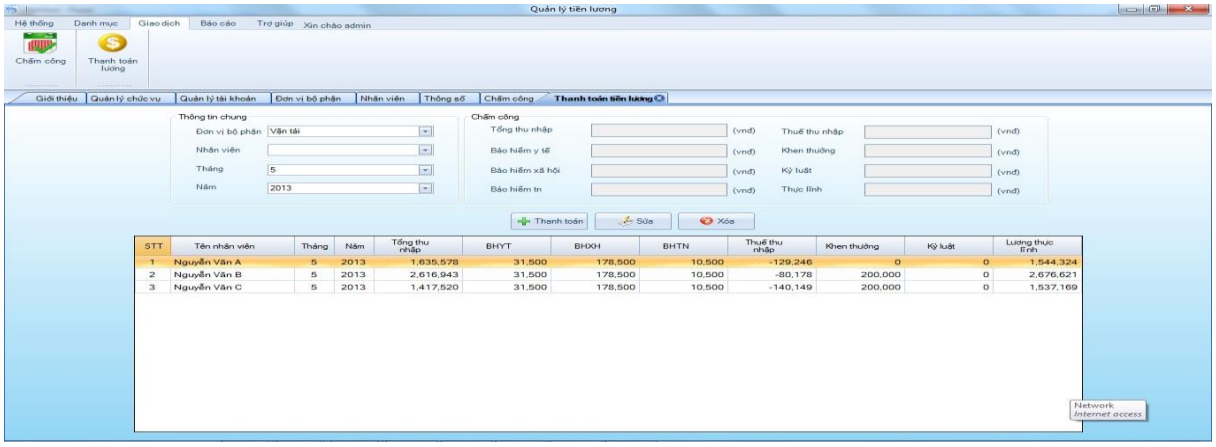

Hình 3.10. Form thanh toán lương

3.11. Form báo cáo thanh toán lương

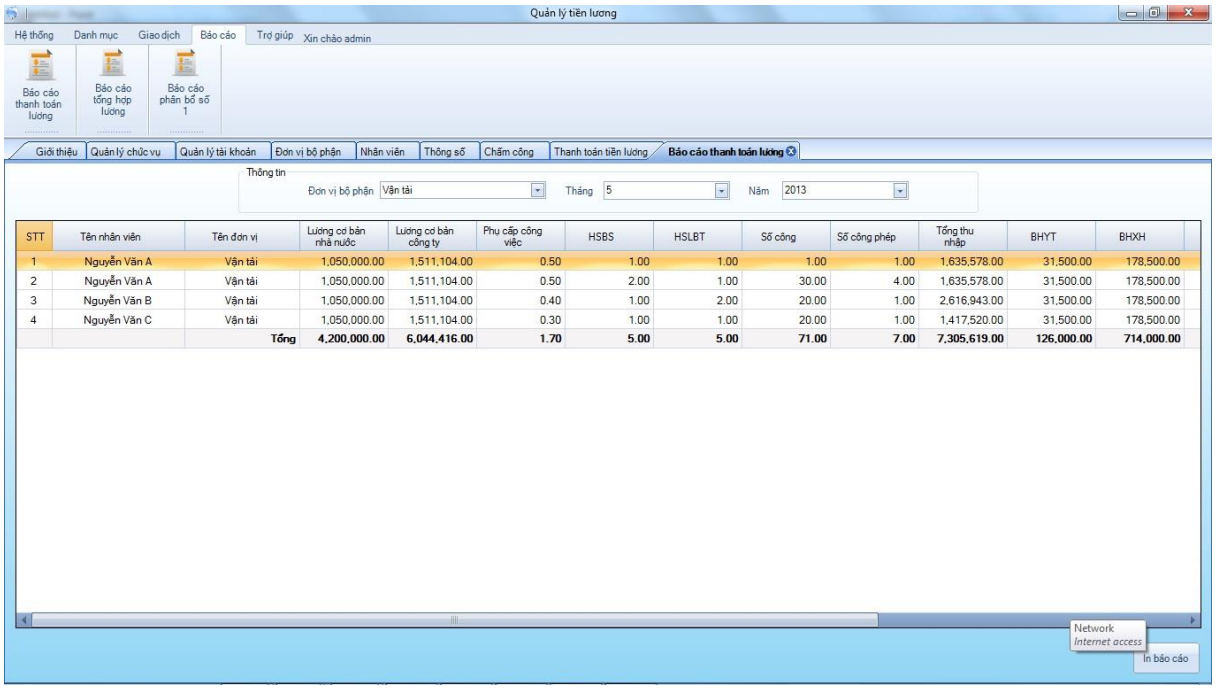

STT	Tên nhân viên	Tên đơn vị	Lương cơ bản nhà nước	Lương cơ bản công ty	Phụ cấp công việc	HSBS	HSLBT	Số công	Số công phép	Tổng thu nhập	BHYT	BHXH
1	Nguyễn Văn A	Vận tải	1,050,000.00	1,511,104.00	0.50	1.00	1.00	1.00	1.00	1,635,578.00	31,500.00	178,500.00
2	Nguyễn Văn A	Vận tải	1,050,000.00	1,511,104.00	0.50	2.00	1.00	30.00	4.00	1,635,578.00	31,500.00	178,500.00
3	Nguyễn Văn B	Vận tải	1,050,000.00	1,511,104.00	0.40	1.00	2.00	20.00	1.00	2,616,943.00	31,500.00	178,500.00
4	Nguyễn Văn C	Vận tải	1,050,000.00	1,511,104.00	0.30	1.00	1.00	20.00	1.00	1,417,520.00	31,500.00	178,500.00
		Tổng	**4,200,000.00**	**6,044,416.00**	**1.70**	**5.00**	**5.00**	**71.00**	**7.00**	**7,305,619.00**	**126,000.00**	**714,000.00**

Hình 3.11. Bảng thanh toán lương

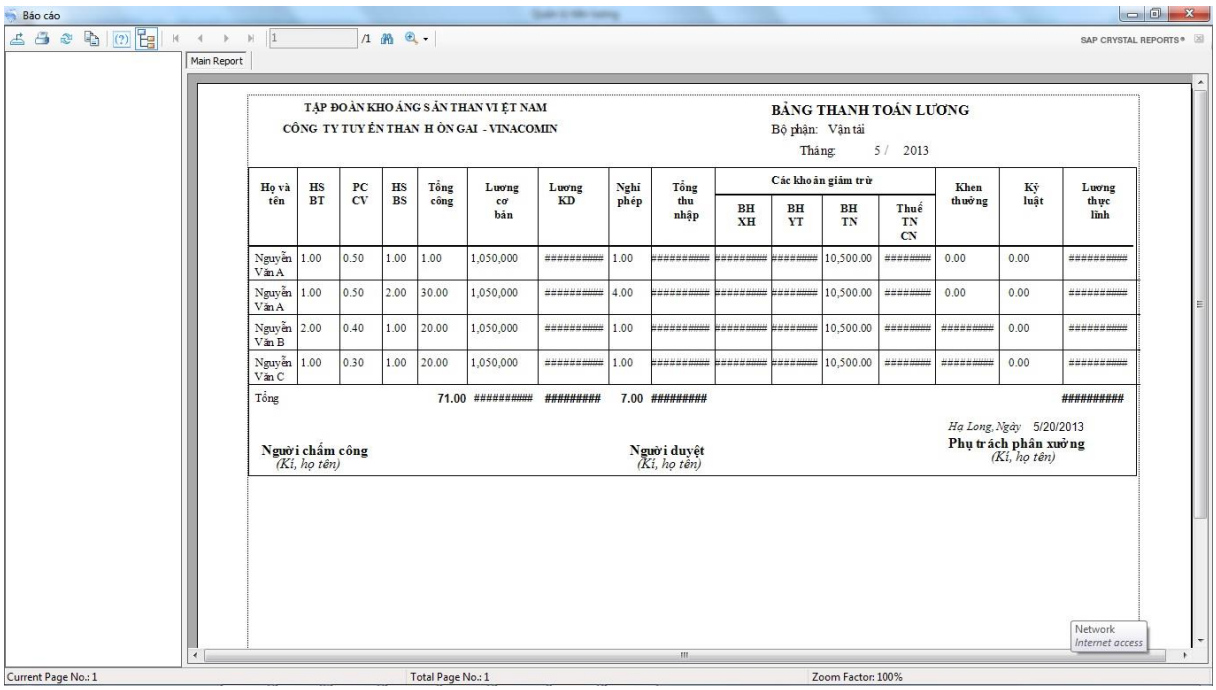

TẬP ĐOÀN KHO ÁNG S ẢN THAN VI ỆT NAM
CÔNG TY TUY ỂN THAN H ÒN GAI - VINACOMIN

BẢNG THANH TOÁN LƯƠNG
Bộ phận: Vận tải
Tháng: 5 / 2013

Họ và tên	HS BT	PC CV	HS BS	Tổng công	Lương cơ bản	Lương KD	Nghỉ phép	Tổng thu nhập	Các khoản giảm trừ				Khen thưởng	Kỷ luật	Lương thực lĩnh
									BH XH	BH YT	BH TN	Thuế TN CN			
Nguyễn Văn A	1.00	0.50	1.00	1.00	1,050,000	##########	1.00	##########	#########	#########	10,500.00	#########	0.00	0.00	##########
Nguyễn Văn A	1.00	0.50	2.00	30.00	1,050,000	##########	4.00	##########	#########	#########	10,500.00	#########	0.00	0.00	##########
Nguyễn Văn B	2.00	0.40	1.00	20.00	1,050,000	##########	1.00	##########	#########	#########	10,500.00	#########	#########	0.00	##########
Nguyễn Văn C	1.00	0.30	1.00	20.00	1,050,000	##########	1.00	##########	#########	#########	10,500.00	#########	#########	0.00	##########
Tổng				71.00	##########	#########	7.00	#########							##########

Hạ Long, Ngày 5/20/2013

Người chấm công *(Kí, họ tên)*

Người duyệt *(Kí, họ tên)*

Phụ trách phân xưởng *(Kí, họ tên)*

Hình 3.12. Kết quả in ra bảng thanh toán lương

3.12. Form báo cáo tổng hợp lương công ty

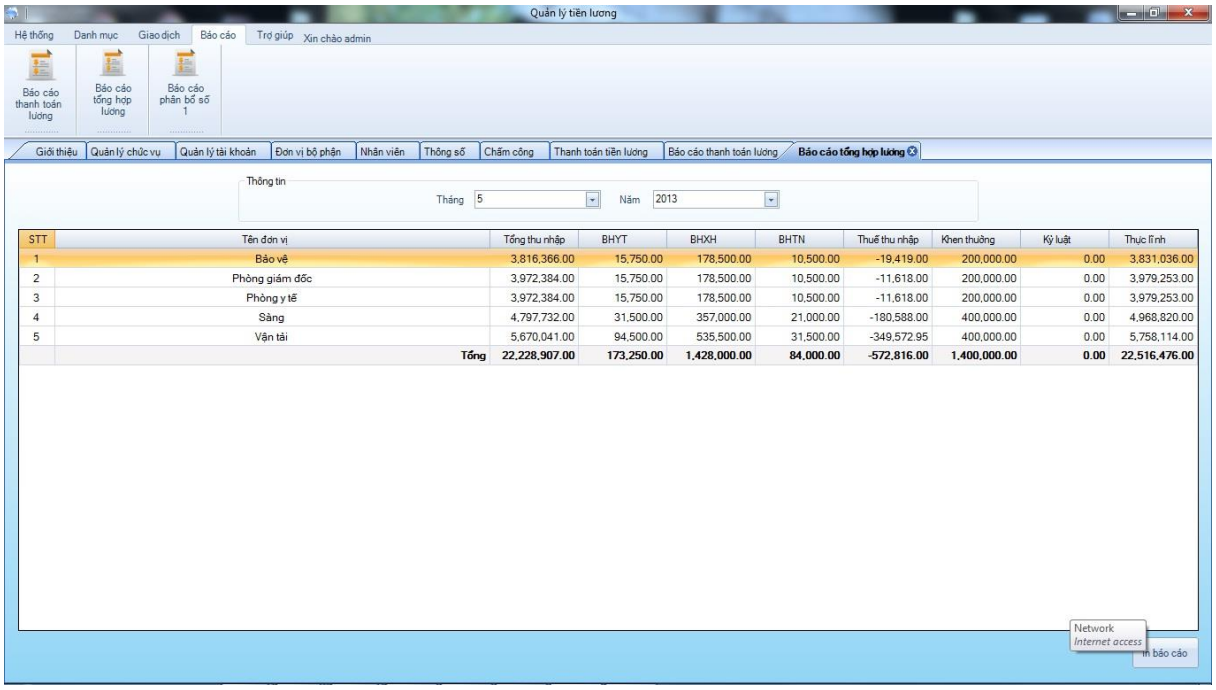

STT	Tên đơn vị	Tổng thu nhập	BHYT	BHXH	BHTN	Thuế thu nhập	Khen thưởng	Kỷ luật	Thực lĩnh
1	Bảo vệ	3,816,366.00	15,750.00	178,500.00	10,500.00	-19,419.00	200,000.00	0.00	3,831,036.00
2	Phòng giám đốc	3,972,384.00	15,750.00	178,500.00	10,500.00	-11,618.00	200,000.00	0.00	3,979,253.00
3	Phòng y tế	3,972,384.00	15,750.00	178,500.00	10,500.00	-11,618.00	200,000.00	0.00	3,979,253.00
4	Sàng	4,797,732.00	31,500.00	357,000.00	21,000.00	-180,588.00	400,000.00	0.00	4,968,820.00
5	Vận tải	5,670,041.00	94,500.00	535,500.00	31,500.00	-349,572.95	400,000.00	0.00	5,758,114.00
	Tổng	**22,228,907.00**	**173,250.00**	**1,428,000.00**	**84,000.00**	**-572,816.00**	**1,400,000.00**	**0.00**	**22,516,476.00**

Hình 3.13. Form báo cáo tổng hợp lương công ty

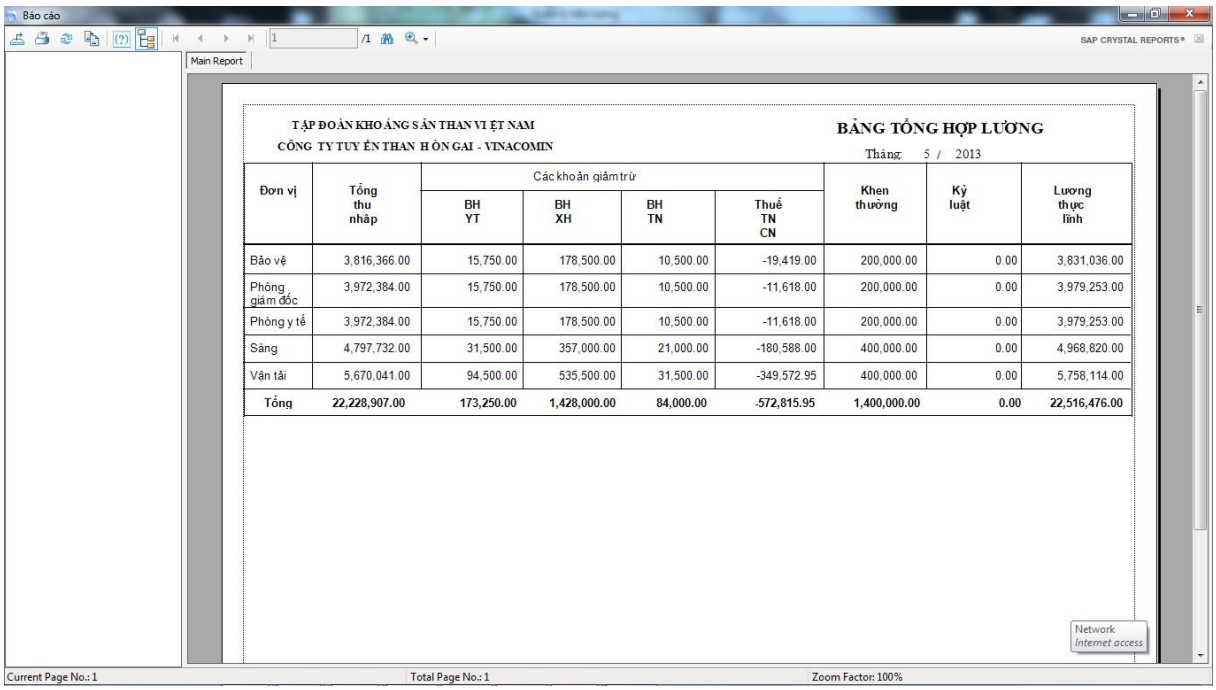

TẬP ĐOÀN KHOÁNG SẢN THAN VIỆT NAM
CÔNG TY TUYỂN THAN HÒN GAI - VINACOMIN

BẢNG TỔNG HỢP LƯƠNG

Tháng 5 / 2013

Đơn vị	Tổng thu nhập	Các khoản giảm trừ				Khen thưởng	Kỷ luật	Lương thực lĩnh
		BH YT	BH XH	BH TN	Thuế TN CN			
Bảo vệ	3,816,366.00	15,750.00	178,500.00	10,500.00	-19,419.00	200,000.00	0.00	3,831,036.00
Phòng giám đốc	3,972,384.00	15,750.00	178,500.00	10,500.00	-11,618.00	200,000.00	0.00	3,979,253.00
Phòng y tế	3,972,384.00	15,750.00	178,500.00	10,500.00	-11,618.00	200,000.00	0.00	3,979,253.00
Sàng	4,797,732.00	31,500.00	357,000.00	21,000.00	-180,588.00	400,000.00	0.00	4,968,820.00
Vận tải	5,670,041.00	94,500.00	535,500.00	31,500.00	-349,572.95	400,000.00	0.00	5,758,114.00
Tổng	**22,228,907.00**	**173,250.00**	**1,428,000.00**	**84,000.00**	**-572,815.95**	**1,400,000.00**	**0.00**	**22,516,476.00**

Hình 3.14. Kết quả in ra bảng tổng hợp lương công ty

3.13. Form bảng phân bổ tiền lương và BHXH

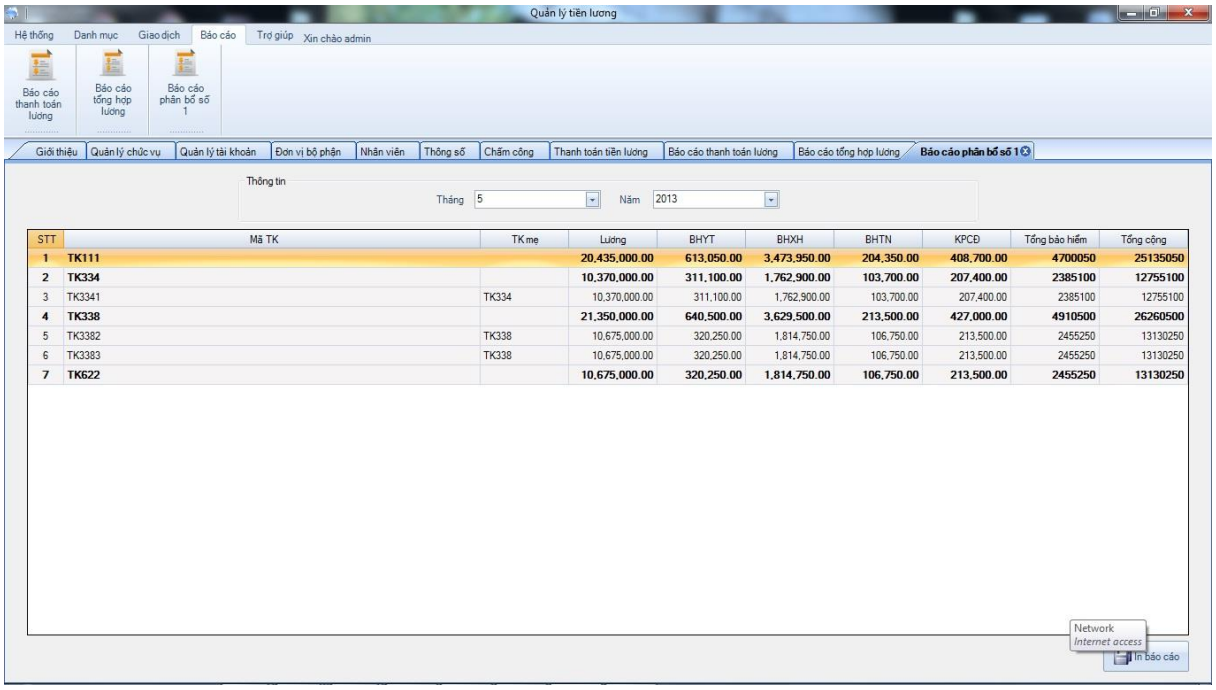

STT	Mã TK	TK mẹ	Lương	BHYT	BHXH	BHTN	KPCĐ	Tổng bảo hiểm	Tổng cộng
1	TK111		20,435,000.00	613,050.00	3,473,950.00	204,350.00	408,700.00	4700050	25135050
2	TK334		10,370,000.00	311,100.00	1,762,900.00	103,700.00	207,400.00	2385100	12755100
3	TK3341	TK334	10,370,000.00	311,100.00	1,762,900.00	103,700.00	207,400.00	2385100	12755100
4	TK338		21,350,000.00	640,500.00	3,629,500.00	213,500.00	427,000.00	4910500	26260500
5	TK3382	TK338	10,675,000.00	320,250.00	1,814,750.00	106,750.00	213,500.00	2455250	13130250
6	TK3383	TK338	10,675,000.00	320,250.00	1,814,750.00	106,750.00	213,500.00	2455250	13130250
7	TK622		10,675,000.00	320,250.00	1,814,750.00	106,750.00	213,500.00	2455250	13130250

Hình 3.15. Form bảng phân bổ tiền lương và BHXH

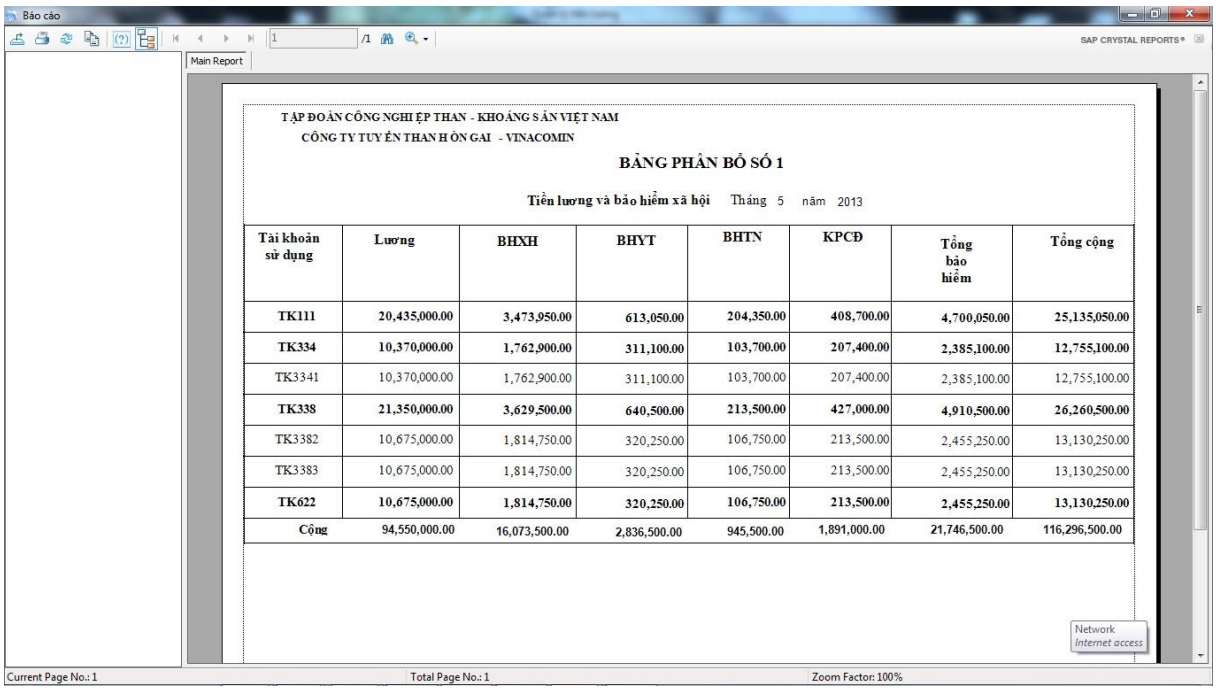

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TUYỂN THAN HÒN GAI - VINACOMIN

BẢNG PHÂN BỔ SỐ 1

Tiền lương và bảo hiểm xã hội Tháng 5 năm 2013

Tài khoản sử dụng	Lương	BHXH	BHYT	BHTN	KPCĐ	Tổng bảo hiểm	Tổng cộng
TK111	20,435,000.00	3,473,950.00	613,050.00	204,350.00	408,700.00	4,700,050.00	25,135,050.00
TK334	10,370,000.00	1,762,900.00	311,100.00	103,700.00	207,400.00	2,385,100.00	12,755,100.00
TK3341	10,370,000.00	1,762,900.00	311,100.00	103,700.00	207,400.00	2,385,100.00	12,755,100.00
TK338	21,350,000.00	3,629,500.00	640,500.00	213,500.00	427,000.00	4,910,500.00	26,260,500.00
TK3382	10,675,000.00	1,814,750.00	320,250.00	106,750.00	213,500.00	2,455,250.00	13,130,250.00
TK3383	10,675,000.00	1,814,750.00	320,250.00	106,750.00	213,500.00	2,455,250.00	13,130,250.00
TK622	10,675,000.00	1,814,750.00	320,250.00	106,750.00	213,500.00	2,455,250.00	13,130,250.00
Cộng	94,550,000.00	16,073,500.00	2,836,500.00	945,500.00	1,891,000.00	21,746,500.00	116,296,500.00

3.16. Kết quả in ra bảng phân bổ tiền lươgn và BHXH

KẾT LUẬN

➢ Kết quả của đề tài nghiên cứu

Qua tìm hiểu nghiên cứu đề tài em đã biết cách vận dụng các kiến thức lý thuyết trên lớp(hệ quản trị cơ sở dữ liệu, ngôn ngữ lập trình C#) vào một hệ thống thực tế trong cuộc sống.

- Về công nghệ:

- Tìm hiểu và nắm bắt được các công cụ thiết kế, lập trình bài toán quản lý.

- Biết được cách thiết kế, lập trình cũng như cách tổ chức cơ sở dữ liệu.

- Về cài đặt chương trình:

- Cung cấp thông tin về nhân viên, chức vụ, lương cơ bản, tính lương....Cho phép tra cứu các thông tin về nhân viên, chức vụ…

- Thực hiện được việc tính lương và lập bảng thanh toán lương cho nhân viên.

- Lập bảng phân bổ tiền lương và BHXH và các nhật kí chứng từ

- Tính năng của chương trình:

- Thông tin về nhân viên, tiền lương…được cập nhật kịp thời, chính xác.

- Giao diện thân thiện với người dùng.

- Chương trình có thể giúp chấm công, tính toán lương, kế toán – hạch toán và tìm kiếm nhân viên một cách dễ dàng nhanh chóng, chính xác, giúp tiết kiệm nhiều thời gian trong công việc tìm kiếm và tính toán. Giao diện của chương trình thân thiện với người dùng và dễ dàng sử dụng đối với mọi người sử dụng.

➢ Hạn chế

Do còn thiếu kinh nghiệm trong việc lập trình cũng như sự hiểu biết về các công tác kế toán lương của công ty chưa cao vì vậy chương trình xây dựng có tính áp dụng vào thực tế chưa thực sự hiệu quả.

➢ Hướng phát triển của đề tài

Khắc phục những hạn chế trên để hệ thống ngày một hoàn thiện hơn.Trong tương lai đề tài này sẽ được mở rộng và phát triển thành một hệ thống hoàn chỉnh đảm bảo cho công việc kế toán tiền lương trong công ty. Em rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến và chỉ dẫn của thầy cô để bài của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] ThS Nguyễn Đức Thuần(2007), *Ngôn ngữ SQL*, Trường Đại học Thuỷ sản Nha Trang.

[2] Nguyễn Ngọc Bình Phương, Thái Thanh Phong (2006), *Các giải pháp lập trình Csharp*, NXB giao thông vận tải.

[3] Trang web http://www.itgatevn.com.vn , *Giáo trình C# căn bản*

[4] Giáo trình *Kế toán hành chính sự nghiệp*, Trường Đại học kinh tế Quốc Dân

NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN HƯỚNG DẪN

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Thái Nguyên, ngày.....tháng.....năm.....

GIÁO VIÊN HƯỚNG DẪN 1 **GIÁO VIÊN HƯỚNG DẪN 2**

NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN PHẢN BIỆN

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Thái Nguyên, ngày.....tháng.....năm.....

GIÁO VIÊN PHẢN BIỆN